

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**HỒ SƠ MỜI THẦU
MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên gói thầu: Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng

**Tên dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ
Khánh Hòa**

Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa

Khánh Hòa - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG

MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

Tên gói thầu: Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng

Tên dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa

Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa

Mã TBMT: IB2500351006

Phát hành: ngày tháng năm 2025

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SKHCN ngày tháng năm 2025

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt	04
Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU.....	06
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu	06
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu.....	
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.....	
Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.....	
Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT.....	
Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.....	
Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG.....	
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng.....	
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.....	
Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập, Hệ thống tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

- b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
- c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
- d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;
- c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;
- d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;
- đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;
- e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;
- g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

- a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

	b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không

	đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT 5.3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được tham dự thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ Mục 5.1 E-CDNT. 5.4. Đối với gói thầu có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm, việc áp dụng mua hàng hóa từ nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thực hiện theo E-BDL.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3A (hoặc Phần 3B), Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật: - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Phần 3A. Điều kiện hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT

	và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSMT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

	7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án

HSDT	chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 hoặc Mẫu số 11.2 Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

	13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT. 15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.. 15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu. 15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ.... 15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này. 15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01A, 01B, 01C Chương IV. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

	Trường hợp chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào hàng hóa không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại. 15.7. Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá. 15.8. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSDT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B Chương IV không tồn tại trên thị trường. 15.9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. 15.10. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL. 15.11. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo

năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL. 16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu

theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSMT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**, đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, bảo đảm dự thầu của nhà thầu tương ứng với giá dự thầu nêu trong đơn dự thầu sau khi giảm giá (nếu có) với tỷ lệ bảo đảm dự thầu quy định tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành

lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

	a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. 18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.
19. Thời điểm	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT .

đóng thầu	19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

	a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung

	về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ

	bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT. 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV.

	27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	28.1. Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu. d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên. 28.2. Đối với hàng hóa quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu, việc xác định hàng hóa được ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, không xác định theo quy định tại Mục 28.3 E-CDNT; 28.3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT:

	Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau: Công thức trực tiếp: $D (\%) = G^*/G \times 100\%$ Công thức gián tiếp: $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$ Trong đó: G^*: Là chi phí sản xuất trong nước G: Là giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 28.4. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL. 28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. Trường hợp nhà thầu đã kê khai ưu đãi theo Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV nhưng không đính kèm các tài liệu chứng minh thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu để xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp các nhà thầu chào hàng hóa có cùng ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, năm sản xuất, xuất xứ Việt Nam nhưng có nhà thầu kê khai, có nhà thầu không kê khai hàng hóa này thuộc đối tượng ưu đãi thì chủ đầu tư quyết định cho các nhà thầu không kê khai ưu đãi được làm rõ để có cơ sở đánh giá ưu đãi đối với các hàng hóa này. 28.6. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT. 29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, tổ chuyên

	gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại Mục 29.3 hoặc Mục 29.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. 29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. - Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III - Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự năng lực sản xuất hàng hóa: Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá. - Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh
--	---

	giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại E-BDL; đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị hạng mục hàng hóa mà nhà thầu dự thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT. 29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất). a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT. c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT. d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT. đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.
--	--

29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và

nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT;

e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;

g) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;

h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính từ

	năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh; c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT. 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống

	thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT. 30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL; 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;

	đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu. 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau: - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký mã hiệu, nhãn hiệu;

	- Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu. d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng hàng hóa, dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng hàng hóa, dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.

36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL. 38.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại E-BDL.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng Tên dự án: Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa; Địa chỉ: 135 Thống Nhất, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: 0258 3563531. + Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của Chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn quản lý dự án: Ban quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: 37 Tô Vĩnh Diện, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: 02583562204. + Tư vấn lập E-HSMT: Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Thiết bị Y tế Việt Nam. Địa chỉ: 218/36/1 Nguyễn Duy Cung, Phường An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028 62924538. + Tư vấn thẩm định E-HSMT: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Bền Vững, Địa chỉ: Ô IB tầng 1 Toà nhà VCN Building,

	đường A1 KĐT Vĩnh Điện Trung, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Thiết bị Y tế Việt Nam. Địa chỉ: 218/36/1 Nguyễn Duy Cung, Phường An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028 62924538. + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Bền Vững, Địa chỉ: Ô IB tầng 1 Toà nhà VCN Building, đường A1 KĐT Vĩnh Điện Trung, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. + Tư vấn thẩm định giá: Công ty TNHH Định giá Bến Thành - Hà Nội. Địa chỉ: Số 236 Cao Thắng, Phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên). Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh. - Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.
E-CDNT 5.4	“Không áp dụng”
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND
E-CDNT	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không

10.8	yêu cầu.
E-CDNT 12.1	Nhà thầu: Không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 13.5	Chào giá: Theo Mẫu số 12 Chương IV.
E-CDNT 15.10	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): 08 năm.
E-CDNT 16.2	Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: “Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương”.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 500.000.000 VNĐ. Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 150 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: “Không áp dụng”
E-CDNT 28.4	Cách tính ưu đãi: a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản

xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:

“Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;

Đối với trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.

b) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:

“hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;

Đối với các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.

c) Ưu đãi đối với hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo có xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu như sau:

“hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà

có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;

Đối với các hàng hóa không phải là sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 7,5%; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 10%.

d) Sản phẩm đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm c khoản này khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
 - Sản phẩm được tạo ra trên cơ sở sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng của chính nhà thầu được cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp hoặc chương trình máy tính của chính nhà thầu trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;
 - Sản phẩm chip bán dẫn;
 - Sản phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng thi đua khen thưởng và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
 - Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu và phát triển tại một trong các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;
 - Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.
- Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản này được hưởng ưu

	đãi trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.
E-CDNT 28.8	- Các ưu đãi khác (nếu có): Không.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3(d)	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).
E-CDNT 29.3(d)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%;
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: “không áp dụng”
E-CDNT 38.1(b)	- Người có thẩm quyền: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa + Địa chỉ: Số 1, đường Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; + E-mail: vpubkh@khanhhoa.gov.vn. - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị: + Sở Tài Chính Khánh Hòa; Địa chỉ: 04 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; + E-mail: stc@khanhhoa.gov.vn.
E-CDNT 38.2	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: - Điều kiện xem xét, giải quyết kiến nghị, Quy trình giải quyết kiến nghị và thành phần, trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại Điều 137, 138 và 139 tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy

	định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Đơn vị, tổ chức giải quyết kiến nghị: + Người có thẩm quyền: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: Số 1, đường Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; E-mail: vpubkh@khanhhoa.gov.vn. + Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa; Địa chỉ: 135 Thống Nhất, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Email: skhcn@khanhhoa.gov.vn + Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị: Sở Tài Chính Khánh Hòa; Địa chỉ: 04 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; E-mail: stc@khanhhoa.gov.vn.
--	--

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty

con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 23.761.539.136 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm thực hiện	Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung	Phải thỏa	Không áp dụng	Phải thỏa mãn	Mẫu số

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	cấp hàng hóa tương tự: “Áp dụng” và quy định như sau: Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Là hợp đồng cung cấp, lắp đặt hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát tương ứng với các hạng mục chính của gói thầu đang xét, cụ thể như sau: + Lĩnh vực thiết bị và dụng cụ Cơ khí: với giá trị thực hiện hoàn thành đáp ứng tối thiểu là: 6.179.679.000 đồng. + Lĩnh vực thiết bị đo, phân tích ứng dụng trong cơ khí công nghiệp: với giá trị thực hiện hoàn thành đáp ứng tối thiểu là: 1.123.071.500 đồng. + Lĩnh vực thiết bị thiết bị đo, kiểm tra bức xạ ứng dụng trong y tế: với giá trị thực hiện hoàn thành hoặc được nghiệm thu đáp ứng tối thiểu là: 745.398.500 đồng⁽¹⁰⁾; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 8.712.564.350	mãn yêu cầu này		yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	05A

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		VND ⁽¹¹⁾ .				
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác ⁽¹²⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm

2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) **hoặc**

b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí

(i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...)

(ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có

nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp chủ đầu tư, tổ chuyên gia khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn **Y/1,25** và/hoặc chia gói thầu thành các phần (lô) để tăng tính cạnh tranh cho gói thầu. Trong đó, **Y** thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: $50\% \times 100.000.000.000/2 = 25.000.000.000$ đồng.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSMT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về

kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, hợp đồng tương tự được xác định tương ứng với khối lượng, giá trị của hàng hóa mà nhà thầu dự thầu, bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa mà nhà thầu chào (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018.31.10** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS **9405.10.20** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có

hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS9018.90.30, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng ($> 50\%$ giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS 9405.40.91, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng ($> 50\%$ giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng $50\% \times 1,64$ tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ($1,5 \times 50$ máy $\times 30 / 180$ ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là $\geq 50\% \times 400$ triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là $\geq 50\% \times 100$ triệu đồng).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000

3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000
---	------------	------	----------------

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng ($50\% \times (10 \text{ tỷ đồng} + 12 \text{ tỷ đồng})$) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng ($50\% \times 10 \text{ tỷ đồng}$) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [$50\% \times 12 \text{ tỷ đồng}$].”.

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000
3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

+ Trường hợp 1: nếu $Z < 5.000.000.000 \text{ VND}$ thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.

+ Trường hợp 2: nếu $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000 \text{ VND}$ thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.

+ Trường hợp 3: nếu $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000 \text{ VND}$ thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.

+ Trường hợp 4: nếu $Z \geq 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

Bảng số 02 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính ⁽⁵⁾					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁶⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽⁷⁾	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁸⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 23.761.539.136 ⁽⁹⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Năng lực sản xuất hàng hoá ⁽¹⁰⁾	Yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa: “Áp dụng” và quy định như sau:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần	Mẫu số 05B

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: + Máy tiện vạt năng độ chính xác cao: 0,375 + Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang): 0,375 + Máy khoan đứng độ chính xác cao: 0,375 + Máy khoan cần: 0,375 + Máy mài mặt phẳng: 0,375 + Máy mài dụng cụ cắt đa năng: 0,375 + Máy hàn CO2/MAG/MIG: 0,375 + Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter: 0,375 + Máy hàn Plasma: 0,375 + Máy cắt plasma: 0,375 + Máy cưa đứng: 0,375 + Máy cắt đột liên hợp: 0,375 + Máy uốn tôn thủy lực: 0,375 + Máy uốn thép hình thủy lực: 0,375 + Bộ cắt, hàn khí Oxy: 0,375 + Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít: 0,375 + Bàn làm việc, thao tác: 1,125 + Ê tô: 1,125 + Bộ búa: 1,125 + Bộ dũa: 1,125			công việc đảm nhận)	

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Cửa sắt cầm tay: 1,125 + Bàn cắt tay (kéo nhôm): 1,875 + Kềm cộng lực: 0,375 + Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết: 0,375 + Máy mài 2 đá: 0,375 + Máy cắt góc đa năng: 0,375 + Máy mài đĩa cầm tay: 0,75 + Máy khoan cầm tay: 0,75 + Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết: 0,75 + Xe đẩy: 1,875 + Công trục đẩy tay: 0,375 + Xe nâng lắc tay: 1,5 + Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tán: 0,375 + Cầu móc: 0,75 + Máy ren răng ống: 0,375 + Ê tô kẹp ống: 0,75 + Dao cắt ống: 0,75 + Tủ sắt: 1,875 + Ống hơi cuộn: 0,375 + Súng hơi: 0,375 + Máy mài khuôn: 0,75 + Panme đo ngoài điện tử: 1,5 + Panme đo trong cơ: 0,75 + Thước cặp điện tử: 1,875 + Thước cặp đo cơ: 2,625 + Thước đo cao điện tử: 0,375 + Đồng hồ so: 1,5 + Đồng hồ so đo lỗ: 0,375 + Giá đỡ đồng hồ so (tự tính): 1,125				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tù tính): 0,75 + Bàn map: 0,375 + Phụ kiện kèm theo TABLE STAND: 0,75 + Thiết bị giám sát chất lượng điện năng: 0,375 + Phần mềm NI LabVIEW Professional: 0,375 + Development System for Windows: 0,375 + Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition: 0,375 + Ampere kim: 0,375 + Đồng hồ vạn năng: 0,375 + Máy đo nhiệt độ hồng ngoại: 0,375 + Thiết bị phân tích khí - khói thải: 0,375 + Thiết bị đo rò rỉ khí cháy: 0,375 + Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh: 0,375 + Lưu lượng kế siêu âm cầm tay: 0,375 + Thiết bị đo chân không cầm tay: 0,375 + Thiết bị đo khí CO không cầm tay: 0,375 + Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng: 0,375 + Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục: 0,375 + Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động: 0,375 + Phần mềm Thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & + Máy tính xách tay: 0,375 + Máy đo đa năng các thông số kV, thời				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, + X-Quang tăng sáng, máy CT: 0,375 + Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy: 0,375 + Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền: 0,375 + Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường): 0,75 sản phẩm/01 tháng Hoặc tối thiểu: + Máy tiện vạt năng độ chính xác cao: 4,5 + Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang): 4,5 + Máy khoan đứng độ chính xác cao: 4,5 + Máy khoan cần: 4,5 + Máy mài mặt phẳng: 4,5 + Máy mài dụng cụ cắt đa năng: 4,5 + Máy hàn CO2/MAG/MIG: 4,5 + Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter: 4,5 + Máy hàn Plasma: 4,5 + Máy cắt plasma: 4,5 + Máy cưa đứng: 4,5 + Máy cắt đột liên hợp: 4,5 + Máy uốn tôn thủy lực: 4,5 + Máy uốn thép hình thủy lực: 4,5				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Bộ cắt, hàn khí Oxy: 4,5 + Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít: 4,5 + Bàn làm việc, thao tác: 13,5 + Ê tô: 13,5 + Bộ búa: 13,5 + Bộ dũa: 13,5 + Cưa sắt cầm tay: 13,5 + Bàn cắt tay (kéo nhôm): 23 + Kềm cộng lực: 4,5 + Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết: 4,5 + Máy mài 2 đá: 4,5 + Máy cắt góc đa năng: 4,5 + Máy mài đĩa cầm tay: 9 + Máy khoan cầm tay: 9 + Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết: 9 + Xe đẩy: 23 + Công trục đẩy tay: 4,5 + Xe nâng lắc tay: 18 + Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn: 4,5 + Cầu móc: 9 + Máy ren răng ống: 4,5 + Ê tô kẹp ống: 9 + Dao cắt ống: 9 + Tủ sắt: 23 + Ống hơi cuộn: 4,5 + Súng hơi: 4,5 + Máy mài khuôn: 9 + Panme đo ngoài điện tử: 18				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Panme đo trong cơ: 9 + Thước cặp điện tử: 23 + Thước cặp đo cơ: 32 + Thước đo cao điện tử: 4,5 + Đồng hồ so: 18 + Đồng hồ so đo lỗ: 4,5 + Giá đỡ đồng hồ so (tử tính): 13,5 + Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tử tính): 9 + Bàn map: 4,5 + Phụ kiện kèm theo TABLE STAND: 9 + Thiết bị giám sát chất lượng điện năng: 4,5 + Phần mềm NI LabVIEW Professional: 4,5 + Development System for Windows: 4,5 + Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition: 4,5 + Ampere kìm: 4,5 + Đồng hồ vạn năng: 4,5 + Máy đo nhiệt độ hồng ngoại: 4,5 + Thiết bị phân tích khí - khói thải: 4,5 + Thiết bị đo rò rỉ khí cháy: 4,5 + Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh: 4,5 + Lưu lượng kế siêu âm cầm tay: 4,5 + Thiết bị đo chân không cầm tay: 4,5 + Thiết bị đo khí CO không cầm tay: 4,5 + Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng: 4,5 + Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục: 4,5 + Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		thanh và rung động: 4,5 + Phần mềm Thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & + Máy tính xách tay: 4,5 + Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, + X-Quang tăng sáng, máy CT: 4,5 + Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy: 4,5 + Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền: 4,5 + Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường): 9 sản phẩm/01 năm Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: + Máy tiện vạt năng độ chính xác cao: 0,375 + Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang): 0,375 + Máy khoan đứng độ chính xác cao: 0,375 + Máy khoan cần: 0,375 + Máy mài mặt phẳng: 0,375 + Máy mài dụng cụ cắt đa năng: 0,375 + Máy hàn CO2/MAG/MIG: 0,375				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter: 0,375 + Máy hàn Plasma: 0,375 + Máy cắt plasma: 0,375 + Máy cưa đứng: 0,375 + Máy cắt đột liên hợp: 0,375 + Máy uốn tôn thủy lực: 0,375 + Máy uốn thép hình thủy lực: 0,375 + Bộ cắt, hàn khí Oxy: 0,375 + Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít: 0,375 + Bàn làm việc, thao tác: 1,125 + Ê tô: 1,125 + Bộ búa: 1,125 + Bộ dũa: 1,125 + Cưa sắt cầm tay: 1,125 + Bàn cắt tay (kéo nhông): 1,875 + Kềm cộng lực: 0,375 + Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết: 0,375 + Máy mài 2 đá: 0,375 + Máy cắt góc đa năng: 0,375 + Máy mài đĩa cầm tay: 0,75 + Máy khoan cầm tay: 0,75 + Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết: 0,75 + Xe đẩy: 1,875 + Cổng trục đẩy tay: 0,375 + Xe nâng lắc tay: 1,5 + Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn: 0,375 + Cầu móc: 0,75				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Máy ren răng ống: 0,375 + Ê tô kẹp ống: 0,75 + Dao cắt ống: 0,75 + Tủ sắt: 1,875 + Ống hơi cuộn: 0,375 + Súng hơi: 0,375 + Máy mài khuôn: 0,75 + Panme đo ngoài điện tử: 1,5 + Panme đo trong cơ: 0,75 + Thước cặp điện tử: 1,875 + Thước cặp đo cơ: 2,625 + Thước đo cao điện tử: 0,375 + Đồng hồ so: 1,5 + Đồng hồ so đo lỗ: 0,375 + Giá đỡ đồng hồ so (tù tính): 1,125 + Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tù tính): 0,75 + Bàn map: 0,375 + Phụ kiện kèm theo TABLE STAND: 0,75 + Thiết bị giám sát chất lượng điện năng: 0,375 + Phần mềm NI LabVIEW Professional: 0,375 + Development System for Windows: 0,375 + Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition: 0,375 + Ampere kìm: 0,375 + Đồng hồ vạn năng: 0,375 + Máy đo nhiệt độ hồng ngoại: 0,375 + Thiết bị phân tích khí - khói thải: 0,375				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Thiết bị đo rò rỉ khí cháy: 0,375 + Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh: 0,375 + Lưu lượng kế siêu âm cầm tay: 0,375 + Thiết bị đo chân không cầm tay: 0,375 + Thiết bị đo khí CO không cầm tay: 0,375 + Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng: 0,375 + Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục: 0,375 + Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động: 0,375 + Phần mềm Thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & + Máy tính xách tay: 0,375 + Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, + X-Quang tăng sáng, máy CT: 0,375 + Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy: 0,375 + Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền: 0,375 + Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường): 0,75 sản phẩm. Hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: + Máy tiện vạn năng độ chính xác cao: 4,5 + Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang): 4,5 + Máy khoan đứng độ chính xác cao: 4,5 + Máy khoan cần: 4,5 + Máy mài mặt phẳng: 4,5 + Máy mài dụng cụ cắt đa năng: 4,5 + Máy hàn CO2/MAG/MIG: 4,5 + Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter: 4,5 + Máy hàn Plasma: 4,5 + Máy cắt plasma: 4,5 + Máy cưa đứng: 4,5 + Máy cắt đột liên hợp: 4,5 + Máy uốn tôn thủy lực: 4,5 + Máy uốn thép hình thủy lực: 4,5 + Bộ cắt, hàn khí Oxy: 4,5 + Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít: 4,5 + Bàn làm việc, thao tác: 13,5 + Ê tô: 13,5 + Bộ búa: 13,5 + Bộ dũa: 13,5 + Cưa sắt cầm tay: 13,5 + Bàn cắt tay (kéo nhông): 23 + Kềm cộng lực: 4,5 + Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết: 4,5 + Máy mài 2 đá: 4,5				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Máy cắt góc đa năng: 4,5 + Máy mài đĩa cầm tay: 9 + Máy khoan cầm tay: 9 + Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết: 9 + Xe đẩy: 23 + Cổng trục đẩy tay: 4,5 + Xe nâng lắc tay: 18 + Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn: 4,5 + Cầu móc: 9 + Máy ren răng ống: 4,5 + Ê tô kẹp ống: 9 + Dao cắt ống: 9 + Tủ sắt: 23 + Ống hơi cuộn: 4,5 + Súng hơi: 4,5 + Máy mài khuôn: 9 + Panme đo ngoài điện tử: 18 + Panme đo trong cơ: 9 + Thước cặp điện tử: 23 + Thước cặp đo cơ: 32 + Thước đo cao điện tử: 4,5 + Đồng hồ so: 18 + Đồng hồ so đo lỗ: 4,5 + Giá đỡ đồng hồ so (tù tính): 13,5 + Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tù tính): 9 + Bàn map: 4,5 + Phụ kiện kèm theo TABLE STAND: 9 + Thiết bị giám sát chất lượng điện năng: 4,5 + Phần mềm NI LabVIEW Professional: 4,5				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Development System for Windows: 4,5 + Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition: 4,5 + Ampere kìm: 4,5 + Đồng hồ vạn năng: 4,5 + Máy đo nhiệt độ hồng ngoại: 4,5 + Thiết bị phân tích khí - khói thải: 4,5 + Thiết bị đo rò rỉ khí cháy: 4,5 + Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh: 4,5 + Lưu lượng kế siêu âm cầm tay: 4,5 + Thiết bị đo chân không cầm tay: 4,5 + Thiết bị đo khí CO không cầm tay: 4,5 + Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng: 4,5 + Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục: 4,5 + Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động: 4,5 + Phần mềm Thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & + Máy tính xách tay: 4,5 + Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, + X-Quang tăng sáng, máy CT: 4,5 + Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy: 4,5 + Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền: 4,5				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường): 9 sản phẩm.				
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác ⁽¹¹⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự

động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Căn cứ xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu;

(8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện gói thầu theo năm}] \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$, hoặc:

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$ hộp sữa hoặc công suất thiết kế tối thiểu trong 01 năm/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 năm của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 365/20) = 328.500$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 01 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

(11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống) ⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Cán bộ quản lý thực hiện gói thầu	01	Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	- Tốt nghiệp đại học trở lên - Đính kèm bản chụp có sao y chứng thực: Bằng tốt nghiệp,

				Hồ sơ tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, ... Trường hợp chứng minh nhân sự đã thực hiện tối thiểu 01 hợp đồng tương tự thì cung cấp kèm theo E-HSDT: Hợp đồng cung cấp lắp đặt, biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT).
2	Cán bộ triển khai thực hiện gói thầu	03	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	- Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong chuyên ngành kỹ thuật: Điện, Điện tử, Cơ điện tử, Điện tử viễn thông, Tự động hóa, Cơ kỹ thuật, Vật lý kỹ thuật, Cơ khí, Kỹ thuật điện, điện tử viễn thông, Vật lý y sinh, Kỹ thuật y sinh, Điện tử y sinh, Hóa học, Sinh học, công nghệ sinh học, phân tích – kiểm nghiệm, - Trường hợp nhân sự không phải là nhân sự của nhà thầu mà huy động từ nguồn khác thì phải có văn bản đính kèm của đơn vị nêu trên về việc cam kết bố trí nhân sự tham gia cùng với nhà thầu thực hiện các công việc của gói thầu kể từ khi được chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho đến khi hoàn thành các công việc của hợp đồng. - Đính kèm bản chụp có sao y chứng thực: Bằng tốt nghiệp, Hồ sơ tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, ... Trường hợp chứng minh nhân sự đã thực hiện tối thiểu 01 hợp đồng tương tự thì cung cấp kèm theo E-HSDT: Hợp đồng cung cấp lắp đặt, biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT).

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là “đạt” khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là “đạt” và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”.

Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật cụ thể như sau:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yêu cầu như tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị.	Có tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ “đạt yêu cầu” theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT.	Đạt
	Có tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ trong khoảng “chấp nhận được” theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT.	Chấp nhận được
	“Không có” hoặc “không đạt yêu cầu” đối với bất kỳ tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu	Không đạt

	chuẩn chế tạo và công nghệ theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT.	
2. Giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa thiết bị		
2.1. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.	- Nhà thầu phải trình bày các giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa, thiết bị theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất đối với các hàng hóa, thiết bị dự thầu.	Đạt
	- Nhà thầu không trình bày giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa, thiết bị theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất đối với các hàng hóa, thiết bị dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
2.2. Biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị	Nhà thầu phải trình bày, thuyết minh biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị đảm bảo theo đúng trình tự và phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.	Đạt
	Không có biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị đảm bảo theo đúng trình tự và phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.	Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Có trình bày bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng	Đạt
	Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng	Không đạt

4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu bảo hành, bảo trì		
4.1. Thời gian bảo hành	Thời gian bảo hành cho tất cả hàng hóa, thiết bị của gói thầu tối thiểu là: ≥ 12 tháng và theo tiêu chuẩn nhà sản xuất và cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.	Đạt
	Thời gian bảo hành cho hàng hóa, thiết bị của gói thầu: < 12 tháng và không theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Không cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ hoặc có nhưng > 48 giờ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.	Không đạt
4.2. Thực hiện chế độ bảo trì định kỳ	- Cam kết thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối thiểu mỗi 3 tháng một lần trong thời gian bảo hành và trong suốt thời bảo hành, nếu có sự cố kỹ thuật, nhà thầu cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng (bằng văn bản, qua điện thoại, fax, Email). Thời gian giải quyết sự cố tối đa trong vòng ≤ 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo.	Đạt
	- Không cam kết thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối thiểu mỗi 3 tháng một lần (hoặc ít hơn) trong thời gian bảo hành và trong suốt thời gian bảo hành, nếu có sự cố kỹ thuật, nhà thầu không thực hiện cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng ≤ 48 giờ hoặc có nhưng > 48 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng (bằng văn bản, qua điện thoại, fax, Email). Thời gian giải quyết sự cố > 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo.	Không đạt
4.3. Vật tư tiêu hao và linh kiện thay thế	- Có bản cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao	Đạt

	và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm (sau thời gian bảo hành). - Có bảng báo giá bảo trì thiết bị và cam kết ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sau khi hết thời gian bảo hành.	
	Không cam kết thực hiện nội dung hoặc không có bảng báo giá bảo trì thiết bị nêu trên	Không đạt
5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường của hàng hóa, thiết bị dự thầu	Cam kết hàng hóa, thiết bị dự thầu có khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường tại địa điểm cung cấp, lắp đặt theo yêu cầu của E-HSMT	Đạt
	Không cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không đạt
6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Tác động môi trường trong quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ liên quan trong quá trình thực hiện gói thầu	Cam kết quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ liên quan trong thời gian thực hiện gói thầu không có tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường	Đạt
	Có thuyết minh, trình bày các tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và thực hiện các dịch vụ liên quan, kèm theo đề xuất biện pháp giải quyết, khắc phục	Chấp nhận được
	Không có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không đạt
7. Các yếu tố khác về thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ:		
7.1. Thời gian thực hiện gói thầu:	Thời gian thực hiện gói thầu: ≤ 120 ngày	Đạt

	Thời gian thực hiện gói thầu: > 120 ngày	Không đạt
7.2. Đào tạo chuyển giao công nghệ	Nhà thầu phải cam kết: - Có chương trình đào tạo hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản cho cán bộ sử dụng và quản lý thiết bị phải đảm bảo hiệu quả chất lượng, an toàn cho cán bộ sử dụng. - Có bản cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt.	Đạt
	Không cam kết thực hiện nội dung nêu trên hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung trên.	Không đạt
8. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	- Về uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: Từ ngày 01/01/2022, nhà thầu chưa từng vi phạm các nội dung quy định về uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu tại Khoản 1, Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. - Về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Từ ngày 01/01/2022, nhà thầu chưa từng bị chủ đầu tư kết luận là vi phạm hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng và bị công khai nội dung vi phạm kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. *Nhà thầu phải kèm theo E-HSDT bản cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu nêu trên, khẳng định nhà thầu chưa từng vi phạm các nội dung yêu cầu về uy tín của nhà thầu.	Đạt
	- Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ theo yêu cầu hoặc đã có bằng chứng nhà thầu đã từng vi phạm theo các nội dung yêu cầu nêu trên về uy tín của nhà thầu	Không đạt

KẾT LUẬN	ĐẠT (khi tất cả các tiêu chí được đánh giá là “Đạt” hoặc “chấp nhận được (2/8 tiêu chí)”
	KHÔNG ĐẠT (không đáp ứng bất kỳ nội dung nào hoặc có một hoặc nhiều nội dung không đáp ứng yêu cầu)

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	Webform	X	
2	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
4	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
5	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
6	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
7	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
8	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
9	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Webform		X
10	Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
11	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
12	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X

13	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
14	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
15	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
16	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
17	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
18	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
19	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
20	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
21	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X
22	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			X
23	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
24	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
25	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X

Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽⁴⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
1	Máy tiện vạt năng độ chính xác cao	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
2	Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang)	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
3	Máy khoan đứng độ chính xác cao	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
4	Máy khoan cần	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

5	Máy mài mặt phẳng	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
6	Máy mài dụng cụ cắt đa năng	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
7	Máy hàn CO ₂ /MAG/MIG	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
8	Máy hàn xung TIG/MAG/AC/D C inverter	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	OECD	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
9	Máy hàn Plasma	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	OECD	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

10	Máy cắt plasma	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
11	Máy cưa đứng	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
12	Máy cắt đột liên hợp	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	OECD	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
13	Máy uốn tôn thủy lực	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	OECD	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
14	Máy uốn thép hình thủy lực	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

15	Bộ cắt, hàn khí Oxy	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
16	Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít	Hệ thống	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
17	Bàn làm việc, thao tác	Bộ	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
18	Ê tô	Cái	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
19	Bộ búa	Bộ	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

20	Bộ dũa	Bộ	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
21	Cửa sắt cầm tay	Cái	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
22	Bàn cắt tay (kéo không)	Cái	5	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
23	Kèm cộng lực	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
24	Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

25	Máy mài 2 đá	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
26	Máy cắt góc đa năng	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
27	Máy mài đĩa cầm tay	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
28	Máy khoan cầm tay	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
29	Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

30	Xe đẩy	Cái	5	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
31	Cổng trực đẩy tay	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
32	Xe nâng lắc tay ≥ 1500 kg	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
33	Xe nâng lắc tay ≥ 5000 kg	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
34	Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	OECD	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

35	Cầu móc	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
36	Máy ren răng ống	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
37	Ê tô kẹp ống	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
38	Dao cắt ống	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
39	Tủ sắt	Cái	5	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

40	Ống hơi cuộn	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
41	Súng hơi	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
42	Máy mài khuôn	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
43	Panme đo ngoài điện tử (Dải đo: 0 - ≥ 25 m)	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
44	Panme đo ngoài điện tử (Dải đo: 25 - ≥ 50 mm)	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

45	Panme đo trong cơ (Dải đo: $\leq 5 - \geq 30$ mm)	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
46	Panme đo trong cơ (Dải đo: $\leq 25 - \geq 50$ mm)	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
47	Thước cặp điện tử	Cái	5	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
48	Thước cặp đo cơ (Dải đo: $0 - \geq 200$ mm)	Cái	5	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
49	Thước cặp đo cơ (Dải đo: $0 - \geq 600$ mm)	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

50	Thước cặp đo cơ (Dải đo: 0 - ≥ 1000 mm)	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
51	Thước đo cao điện tử	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
52	Đồng hồ so (Dải đo: 0 - ≥ 10 mm)	Cái	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
53	Đồng hồ so (Dải đo: 0 - ≥ 1 mm)	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
54	Đồng hồ so đo lỗ	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

55	Giá đỡ đồng hồ so (từ tính)	Cái	3	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
56	Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (từ tính)	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
57	Bàn map	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
58	Phụ kiện kèm theo TABLE STAND	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V		Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
59	Thiết bị giám sát chất lượng điện năng	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

60	Phần mềm NI LabVIEW Professional Development System for Windows	Phần mềm	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
61	Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition	Phần mềm	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
62	Ampere kìm	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
63	Đồng hồ vạn năng	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
64	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	EU	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

65	Thiết bị phân tích khí - khói thải	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
66	Thiết bị đo rò rỉ khí cháy	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
67	Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G20	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
68	Lưu lượng kế siêu âm cầm tay	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
69	Thiết bị đo chân không cầm tay	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
70	Thiết bị đo khí CO không cầm tay	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

71	Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
72	Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục	Hệ thống	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
73	Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
74	Phần mềm Thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & Máy tính xách tay	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	G7	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
75	Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, X-Quang tăng sáng, máy CT	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	EU	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

76	Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy	Bộ	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	EU	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
77	Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền	Cái	1	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	EU	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120
78	Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường)	Cái	2	Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V	EU	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	100	120

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ⁽²⁾
1	Dịch vụ liên quan là dịch vụ trọn gói đã bao gồm tất cả các chi phí đảm bảo hàng hóa thiết bị được cung cấp, lắp đặt, chạy thử, vận hành, hướng dẫn sử dụng, đào tạo chuyển giao công nghệ, kiểm định đạt yêu cầu nghiệm thu đưa vào sử dụng.	01	Toàn bộ gói thầu	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	≤ 120 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Dịch vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng trong thời gian bảo hành các thiết bị của gói thầu.	01	Toàn bộ gói thầu	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa	Kết thúc thời gian bảo hành hệ thống, thiết bị

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu¹: ____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT

không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

Mẫu số 02B (webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [*Đối với nhà thầu là cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu¹: ____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của cá nhân nhà thầu (hoặc thành viên được nhóm cá nhân phân công theo văn bản thỏa thuận) khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực

hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

VĂN BẢN THỎA THUẬN*(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)*

Ngày:___ tháng___ năm___

Căn cứ E-HSMT của gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]* với số E-TBMT:___ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]*

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] như sau:

Phân công ____ [*ghi tên cá nhân*] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cả nhóm.

[*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhóm cá nhân không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [*ký, ghi rõ họ tên*]

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [*ký, ghi rõ họ tên*]

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽²⁾ ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽²⁾ ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự

thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận

khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C

tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05A (webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa	[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]		
3. Mã HS	[ghi thông tin về mã HS nếu có]		
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
5. Về quy mô thực hiện	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
6. Các đặc tính khác	[ghi các thông tin khác (nếu có)]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 05B (webform trên Hệ thống)**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số lượng nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 07 (webform trên Hệ thống)

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA
TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG
QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

- ☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu

từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾***(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)*

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

Cột (8): Nhà thầu điền

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Mẫu số 10B (webform trên Hệ thống)**ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa thứ 1									
2	Hàng hóa thứ 2									
...										
n	Hàng hóa thứ n									

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (9), (10): Hệ thống tự động trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSDT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật”... thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Cột (11): Hệ thống tự trích xuất (nếu có). Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C).

Mẫu số 11.1 (webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M) <i>[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.1A]</i>
2	Dịch vụ liên quan	(I) <i>[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13A]</i>
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	$(M) + (I)$ <i>[Hệ thống tự tính]</i>

Mẫu số 12.1A (webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											M1
												
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Mẫu số 13A (webform trên Hệ thống)**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN***(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)*

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (Cột 3x7)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (3) nhà thầu tự điền.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 15A (webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

[illegible]

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

(3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3) hoặc (4) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8)).

(7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc Mẫu số 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Mẫu số 15B (webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
...	...					
n	Hàng hóa thứ n					

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 15A.

(2): Hệ thống tự động trích xuất đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

(3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

(5), (6): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 15C (webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
						Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)	Giá xuất xưởng (giá của hàng hóa) (G)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$	$D(\%)=G^*/G$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hóa thứ 1						
2	Hàng hóa thứ 2						
...	...						
n	Hàng hóa thứ n						

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 15A

Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Hệ thống trích xuất giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Hệ thống trích xuất giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng
- Tên dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa.
- Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa.
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 120 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu cung cấp trong E-HSĐT của mình toàn bộ các cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSĐT để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tham dự theo yêu cầu của gói thầu. Đảm bảo đầy đủ và đáp ứng các nội dung yêu cầu được quy định chi tiết như sau:

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
A	XUỞNG CƠ KHÍ			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
I	MÁY CÔNG CỤ TRUYỀN THÔNG			
1	Máy tiện vạt năng độ chính xác cao			
1.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 9001 và CE hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy tiện vạt năng độ chính xác cao: 01 bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tấm chắn sau: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chống tâm: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống làm mát: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Bộ công cụ vận hành 4 chiều: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vòng chặn nạp tự động: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ống lót định tâm: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Miếng đệm cân bằng: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ dao tiện thô, tinh trụ, rãnh, ren trong và ngoài: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mâm cặp 3 chấu $\varnothing 305$ mm: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mâm cặp 4 chấu 12" ($\varnothing 300$ mm): 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ dao tiện cắt đứt gồm: khối kẹp, cán dao tiện cắt đứt, mảnh dao: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đèn làm việc: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần mềm mô phỏng 3D: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Máy tính để bàn và máy in: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Đường kính tiện qua băng máy: ≥ 460 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính tiện qua bàn xe dao: ≥ 240 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Chiều cao tâm: ≥ 230 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách tâm: ≥ 1500 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính tiện qua đầu: ≥ 660 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều rộng băng qua máy ≥ 300 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mũi trục chính: ASA D1-6 hoặc ASA D1-8 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lỗ trục chính ≥ 58 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Côn trục chính: MT 4 hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ trục chính: tối đa ≥ 2000 vòng/phút (tối thiểu 12 cấp).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dây bước ren hệ inch $\leq 4 - \geq 56$ TPI.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dây bước ren hệ mét $P \leq 0,5 - P \geq 7$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công suất động cơ trục chính: ≥ 10 Hp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hành trình trượt ngang ≥ 220 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm mô phỏng 3D có các tính năng như sau:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Giúp kỹ thuật viên vận hành máy tiện vạt năng ảo thông qua thư viện tài liệu hướng dẫn hoặc thông qua một trợ lý ảo hướng dẫn người dùng các thao tác cần thực hiện và cung cấp phản hồi về các lỗi của người vận hành.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mỗi máy có thư viện nghiên cứu tình huống riêng để đào tạo kỹ thuật viên sử dụng máy cũng như sử dụng các công cụ và dụng cụ cần thiết.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các thư viện nghiên cứu tình huống bao gồm tài liệu nghiên cứu (tối thiểu video, flash, liên kết) cho tài liệu được sử dụng trong mỗi thư viện.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ứng dụng phần mềm cho phép đánh giá công việc đã hoàn thành bằng phương pháp kiểm tra.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Toàn bộ quá trình thực hiện sẽ được lưu lại và xuất ra file báo cáo dạng HTML.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Báo cáo này có thể được lưu để chỉnh sửa hoặc in ra kèm theo ảnh chụp 3D của khu vực làm việc.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Với tập hợp các bài tập hoặc nghiên cứu tình huống, kỹ thuật viên sẽ có thể phát triển một số kỹ năng nhất định như:			
	+ Nhận dạng các bộ phận của máy.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vận hành máy (chuyển động của bàn trượt, chuyển động của trục chính).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nhận biết và lắp ráp dụng cụ và giá đỡ dụng cụ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các loại chốt, lựa chọn và lắp ráp các bộ phận.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Tính toán và thiết lập các điều kiện cắt.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các yếu tố an toàn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nhận dạng và thực hiện các quá trình, ...	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Thực hiện các quy trình.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy tính để bàn và máy in có cấu hình tối thiểu như sau:			
	*Máy tính:			
	- Chipset: Intel® H670 hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cổng mạng: Wi-Fi® and Bluetooth® ≥ 5 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cổng kết nối: tối thiểu 1 x PCIe 3x1, 1 x PCIe 4x16, 6x USB 2.0, 1 x RJ-45, 1 x HDMI, 1 x VGA.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- VGA: Intel Graphics hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Intel® Core™ i3-12100 (lên đến $\geq 4,3$ GHz với chip Intel® công nghệ Turbo Boost, ≥ 12 MB L3 cache, ≥ 4 cores, ≥ 8 threads) hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ Ram: ≥ 8 GB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- HDD: ≥ 1 TB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Ổ cứng SSD: $\geq 256\text{Gb}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bàn phím, chuột quang USB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Màn hình LCD $\geq 19,5$ inch:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải $\geq 1600 \times 900$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ sáng: $\geq 200 \text{ cd/m}^2$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời gian đáp ứng $\leq 5 \text{ ms}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- $\geq 90^\circ$ (Ngang)/ $\geq 50^\circ$ (Dọc), tối thiểu có các cổng kết nối: VGA, HDMI.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hệ điều hành: Windows 11 Home hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	*Máy in laser đen trắng:			
	- Chức năng: In.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khổ giấy: tối thiểu A4/A5.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ: $\geq 256\text{MB}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ in: Tốc độ in (A4): Lên tới ≥ 28 trang/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- In đảo mặt: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ phân giải in: $\geq 600 \times 600$ dpi (hoặc tương đương).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chất lượng in: $\geq 1200 \times 1200$ dpi (hoặc tương đương).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cổng giao tiếp: tối thiểu USB/LAN.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dừng mực: ≥ 4100 trang.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công nghệ in: Đơn năng hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời gian in bản đầu tiên (A4): Xấp xỉ $\leq 5,2$ giây.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Màn hình LCD hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2	Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang)			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang): 01 bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống làm mát: 01 hệ thống.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bơm trộn tự động: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Biến tần ≥ 2 HP trục X với động cơ AC: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Biến tần ≥ 1 HP trục Y với động cơ AC: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nâng bàn bằng điều khiển trục Z: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vít bi trục X, Y: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp điều khiển điện: 01 hộp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp công cụ có dụng cụ: 01 hộp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đèn làm việc thạch anh: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Thanh kéo thủ công cho trục đứng: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nắp vệ sinh cao su trục Y & Z: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Trục phay ngang đường kính 27 mm có tay ống: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ điều khiển động cơ trục đứng và ngang ≥ 5 HP: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Eto thủy lực: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đền: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ kẹp phôi: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ bầu kẹp dao phay: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bầu kẹp dao phay khóa mặt: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bầu kẹp dao phay khóa mặt: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp dụng cụ: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bầu kẹp dao phay khóa mặt: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bầu kẹp mũi khoan: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dao phay khóa mặt 45 độ: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dao phay khóa mặt 75 độ: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dao phay khóa mặt 100 độ: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mảnh dao phay khóa mặt: 02 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Máy tính và máy in: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần mềm mô phỏng 3D: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Hành trình 3 trục: $\geq 1000 \times 380 \times 380\text{mm}$ (kiểu ngang).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bàn làm việc: $\geq 300 \times 1500 \text{ mm}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hành trình 3 trục: $\geq 1000 \times 380 \times 450\text{mm}$ (kiểu đứng).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bàn quay: ≥ 45 độ trái và phải.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có tích hợp sẵn bàn xoay.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Vít bi trục X được điều khiển bởi biến tần $\geq 2 \text{ HP}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài ăn dao: 0 - $\geq 960 \text{ mm/phút}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ trục chính:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ trục chính đứng: $\leq 63 - \geq 3600 \text{ rpm}$ (tối thiểu 16 bước).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Mũi trục chính: NT40 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ trục chính ngang: $\leq 90 - \geq 1320$ rpm (tối thiểu 9 bước).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mũi trục chính: NT40 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Động cơ đầu phay đứng: $\geq 7,5$ HP.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy tính và máy in có cấu hình tối thiểu như sau:			
	*Máy tính:			
	- Chipset: Intel® H670 hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cổng mạng: Wi-Fi® and Bluetooth® ≥ 5 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cổng kết nối: tối thiểu 1 x PCIe 3x1, 1 x PCIe 4x16, 6x USB 2.0, 1 x RJ-45, 1 x HDMI, 1 x VGA.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- VGA: Intel Graphics hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Intel® Core™ i3-12100 (lên đến $\geq 4,3$ GHz với chip Intel® công nghệ Turbo Boost, ≥ 12 MB L3 cache, ≥ 4 cores, ≥ 8 threads) hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ Ram: ≥ 8 GB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- HDD: ≥ 1 TB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Ổ cứng SSD: $\geq 256\text{Gb}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bàn phím, chuột quang USB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Màn hình LCD $\geq 19,5$ inch:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải $\geq 1600 \times 900$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ sáng: $\geq 200 \text{ cd/m}^2$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Thời gian đáp ứng $\leq 5 \text{ ms}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ $\geq 90^\circ$ (Ngang)/ $\geq 50^\circ$ (Dọc), tối thiểu có các cổng kết nối: VGA, HDMI.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hệ điều hành: Windows 11 Home hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	*Máy in laser đen trắng:			
	- Chức năng: In.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khổ giấy: tối thiểu A4/A5.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ: $\geq 256\text{MB}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ in: Tốc độ in (A4): Lên tới ≥ 28 trang/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- In đảo mặt: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ phân giải in: $\geq 600 \times 600$ dpi (hoặc tương đương).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chất lượng in: $\geq 1200 \times 1200$ dpi (hoặc tương đương).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cổng giao tiếp: tối thiểu USB/LAN.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dừng mực: ≥ 4100 trang.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công nghệ in: Đơn năng hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời gian in bản đầu tiên (A4): Xấp xỉ $\leq 5,2$ giây.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Màn hình LCD hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm mô phỏng 3D có chức năng như sau:			
	+ Giúp kỹ thuật viên vận hành máy phay vạn năng ảo thông qua thư viện tài liệu hướng dẫn hoặc thông qua một trợ lý ảo hướng dẫn người dùng các thao tác cần thực hiện và cung cấp phản hồi về các lỗi của người vận hành.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mỗi máy có thư viện nghiên cứu tình huống riêng để đào tạo kỹ thuật viên sử dụng máy cũng như sử dụng các công cụ và dụng cụ cần thiết.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các thư viện nghiên cứu tình huống bao gồm tài liệu nghiên cứu (video, flash, liên kết) cho tài liệu được sử dụng trong mỗi thư viện.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ứng dụng phần mềm cho phép đánh giá công việc đã hoàn thành bằng phương pháp kiểm tra.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Toàn bộ quá trình thực hiện sẽ được lưu lại và xuất ra file báo cáo dạng HTML. Báo cáo này có thể được lưu để chỉnh sửa hoặc in ra kèm theo ảnh chụp 3D của khu vực làm việc.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Với tập hợp các bài tập hoặc nghiên cứu tình huống, kỹ thuật viên sẽ có thể phát triển một số kỹ năng nhất định như:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Nhận dạng các bộ phận của máy.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Tìm hiểu sự chuyển động và lực làm việc thay đổi chuyển động của má	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Các loại kẹp và nguyên lý hoạt động của chúng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Lắp ráp và điều chỉnh các bộ phận.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Xác định và lắp ráp giá đỡ dụng cụ, dụng cụ và các bộ phận phụ trợ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Chuẩn bị gia công.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Thao tác điều khiển máy	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Thực hiện các quy trình gia công cơ bản.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Thực hiện các quy trình gia công.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3	Máy khoan đứng độ chính xác cao			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
3.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 9001 và CE hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 200 - 240V/50Hz hoặc 300 – 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy khoan đứng độ chính xác cao: 01 bộ, kèm phụ kiện tiêu chuẩn, bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mâm cặp khoan và trụ gá mâm cặp: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tấm bảo vệ mâm cặp có khóa liên động: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Ống lót giảm côn: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng và danh sách phụ tùng: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ê tô 125 mm: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ kẹp: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ mũi khoan 1 - ≥ 13 mm: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Khả năng khoan/hiệu suất khoan thông thường: 25/30 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Trục chính: MKIII hoặc MT3 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ trục chính, vô cấp 1/phút với hộp số (2 đoạn): $\leq 125 - \geq 4.000$ vòng/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách từ trục chính đến bàn: $\leq 240 - \geq 790$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách từ trục chính đến đế máy: ≥ 1100 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính trục máy: 110 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hành trình trục chính tối đa: ≥ 125 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4	Máy khoan cần			
4.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy khoan cần: 01 Bộ, kèm các phụ kiện, bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp đựng dụng cụ: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bơm làm mát: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đèn làm việc: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Bàn máy: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Côn 4 hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ: $\leq 44 - \geq 1500$ vòng/phút (tối thiểu 12 cấp).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính trụ: 300 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách từ mặt ngoài của trụ đến tâm trục chính: ≥ 1145 m.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hành trình di chuyển ngang của đầu trục chính: ≥ 810 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách từ mặt bàn đến đầu trục chính ≥ 1.230 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công suất ≥ 3 HP.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5	Máy mài mặt phẳng			
5.1	Yêu cầu chung			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 9001 và CE hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy mài mặt phẳng: 01 bộ, kèm các phụ kiện, bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bàn từ điện tinh: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đá mài chỉnh sửa trên trục song song: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ tách từ: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đèn LED: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vỏ bảo vệ bánh mài: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Bộ từ hóa/khử từ: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tấm chắn bao phủ toàn bộ bàn máy: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đèn cảnh báo 3 màu báo hiệu kết thúc mài: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ căn chỉnh độ cân bằng	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Giá cân bằng và trục cân: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp dụng cụ: 01 Hộp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	*Phụ kiện chọn thêm:			
	+ Hệ thống lọc giấy tích hợp bộ tách từ: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống hút bụi: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đá mài tạo bán kính: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đá mài tạo góc: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ê tô nghiêng: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ê tô dụng cụ chính xác: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Đá mài: 05 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Kích thước bàn $\geq 250 \times 500$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ di chuyển bàn: $\leq 7 \sim \geq 23$ m/ph.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách từ trục chính đến bàn ≥ 336 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước bánh mài: 200 mm x 20 mm x 31,75 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hành trình trục $\geq 560 \times 275$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Động cơ trục chính: ≥ 3 HP.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6	Máy mài dụng cụ cắt đa năng			
6.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy mài dụng cụ cắt đa năng: 01 bộ, kèm các phụ kiện, bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mũi mài kim cương: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bánh mài gắn bích: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ Đá mài: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chốt: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dây đai: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chốt bảo vệ: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ dụng cụ: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Đường kính mài tối đa: ≥ 25 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Góc côn: 0 - $\geq$ 180 độ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Góc giảm áp: 0 - $\geq$ 45 độ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Góc âm: 0 - $\geq$ 25 độ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Trục chính mài: $\geq$ 6000 vòng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Động cơ: $\geq$ 1/3 HP.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bánh mài cốc: 100 x 50 x 20 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
II	XUỞNG TẠO PHÔI			
1	Máy hàn CO₂/MAG/MIG			
1.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 300 - 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy hàn CO2/MAG/MIG: 01 bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dây hàn: 05 Cuộn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất vào: ≥ 20 kW.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải dòng hàn: $\leq 5 \sim \geq 450$ A.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi hiện tại của MMA:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- 450A 40% hoặc tốt hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- 400A 60% hoặc tốt hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- 350A 100% hoặc tốt hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi dòng điện TIG: $\geq 70V$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2	Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter			
2.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc tổ chức OECD	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 200 - 240V/50Hz hoặc 300 - 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter: 01 Bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dây hàn: 05 Cuộn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ bàn hàn chuyên dụng: 01 cái, đi kèm bộ phụ kiện đồ gá kẹp định vị chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.3	Tính năng kỹ thuật			
	1. Máy hàn xung:			
	- Công suất đầu vào (KVA): $\geq 11,5$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi dòng hàn Tig AC (A): $\leq 10 - \geq 330$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi dòng hàn Tig DC (A): $\leq 10 - \geq 330$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi dòng hàn MMA (A): $\leq 10 - \geq 250$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điện áp tải định mức (V): ≥ 22 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điện áp không tải tối đa (V): ≥ 65 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải dòng xung (A): $\leq 10 \sim \geq 330$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chu kỳ làm việc (%): ≥ 60 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cấp cách điện ~ H hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cấp bảo vệ: IP21 hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	2. Bộ bàn hàn chuyên dụng:			
	- Độ chuẩn phẳng vuông góc, chính xác cao.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chống mài mòn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bàn làm việc: $\geq 1.200 \times 800$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thép mặt bàn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thép công cụ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Plasma cho bàn làm việc.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Plasma thấm nitơ và phủ BAR.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bề mặt bền, chống mài mòn cao.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lỗ khoan có độ chính xác cao với vát ở trên cùng và dưới cùng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3	Máy hàn Plasma			
3.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc tổ chức OECD	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 300 - 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy hàn Plasma: 01 Bộ, kèm bộ phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Robot Hàn: 01 cái, kèm phần mềm mô phỏng Robot: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vật liệu hàn: 05 Cuộn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Tính năng kỹ thuật			
	1. Máy hàn Plasma:			
	- Dải đo dòng hàn (A): $\leq 3,2 - \geq 298A$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ dày tấm hàn đến $\geq 2,99$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ phận làm mát bằng nước tối ưu cho mỏ hàn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phụ kiện có thể lắp thêm giữ lưu lượng khí plasma trong khoảng từ $\leq 0,22$ l/phút đến $\geq 9,99$ l/phút	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ hàn cao hơn tới $\geq 19,8\%$, không cần chuẩn bị đường hàn, hoàn toàn không bắn tung tóe và lổ rỗng, ...	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	2. Robot Hàn:			
	- Tầm với tối đa theo phương ngang: ≥ 1.550 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tải trọng: ≥ 4 kg.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số trục: ≥ 6 trục .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kiểu lắp đặt:			
	+ Mặt phẳng, Mặt nghiêng ≥ 55 độ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ chính xác điểm lặp lại: $\leq 0,02$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ chính xác đường lặp lại: $\leq 0,08$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nguồn điện: trong khoảng từ 200 - 600V, 50/60Hz.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Cấp độ bảo vệ cánh tay: IP67 hoặc cao hơn (Axis 4: IP40 hoặc cao hơn)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi hoạt động các trục:			
	+ Trục số 1: Vùng làm việc $+ \geq 180^\circ$ đến $- (\geq 180^\circ)$, tốc độ tối đa $\geq 180^\circ/s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Trục số 2: Vùng làm việc $+ \geq 150^\circ$ đến $- (\geq 90^\circ)$, tốc độ tối đa $\geq 180^\circ/s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Trục số 3: Vùng làm việc $+ \geq 79^\circ$ đến $- (\geq 238^\circ)$, tốc độ tối đa $\geq 180^\circ/s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Trục số 4: Vùng làm việc $+175^\circ$ đến $- (\geq 175^\circ)$, tốc độ tối đa $\geq 320^\circ/s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Trục số 5: Vùng làm việc $+120^\circ$ đến $- (\geq 120^\circ)$, tốc độ tối đa $\geq 360^\circ/s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Trục số 6: Vùng làm việc $+400^\circ$ đến $- (\geq 400^\circ)$, tốc độ tối đa $\geq 500^\circ/s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ điều khiển Robot			
	+ Điều khiển điện áp cung cấp: 1 pha, trong khoảng từ 200 - 240V, 50 - 60Hz.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nhiệt độ môi trường: $\leq 5 - \geq 45^\circ C$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tay dạy lập trình Màn hình đồ họa màu ≥ 8 inch cảm ứng đa điểm.			
	+ Cần điều khiển Joystick.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Bàn phím màng với ≥ 12 nút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hỗ trợ USB 3.0.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dừng khẩn cấp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hỗ trợ lập trình HMI trên tay dạy.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hỗ trợ lập trình nhanh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm mô phỏng Robot Studio: 01 bộ.			
	+ 01 license cài được cho ≥ 100 máy tính trong cùng 1 mạng lan.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lập trình offline và Mô phỏng hệ thống Robot Lập trình Offline. Mô phỏng được kết nối PLC.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ điều khiển cầm tay dạy Robot ảo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lập trình cho nhiều Rôbốt hoạt động cùng một lúc, vận hành nhiều Rôbốt chỉ bằng một bộ điều khiển.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Quay phim lại hoạt động/Mô phỏng	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cho biết thời gian hoạt động thực.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Mục đích sử dụng:			
	+ Hệ tọa độ robot, Calib robot.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lập trình các lệnh di chuyển cơ bản.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lập trình các lệnh di chuyển nâng cao (theo đường, vẽ, mô phỏng bơi keo..)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lập trình các lệnh điều kiện.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chương trình con đơn giản	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4	Máy cắt plasma			
4.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 300 - 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy cắt plasma: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất hấp thụ tối đa: $\geq 17\text{kW}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dòng điện Gamma: $\leq 25 \div \geq 120\text{A}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điện áp không tải tối đa (V): $\geq 314\text{V}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày cắt tối đa trên thép mềm: $\geq 55\text{ mm}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày cắt tối đa trên thép không gỉ: $\geq 40\text{ mm}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lớp bảo vệ: IP23S hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5	Máy cưa đứng			
5.1	Yêu cầu chung			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, EC hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy cửa đứng: 01 Bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ống khí cho độ sáng rõ: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đĩa cắt và mài lưỡi cửa: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đèn làm việc: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Rào chắn cửa: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bảo vệ lưỡi cửa: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tài liệu hướng dẫn và danh sách phụ tùng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
5.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Chiều cao làm việc tối đa: ≥ 285 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước bàn: $\geq 600 \times 500$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều rộng lưỡi cưa tối đa ≥ 15 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài lưỡi cưa tối đa: ≥ 3.467 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ cắt: ≤ 15 m/phút - ≥ 260 m/phút	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có thể điều chỉnh góc: $\geq 15^\circ$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6	Máy cắt đột liên hợp			
6.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc tổ chức OECD	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, EC hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy cắt đột liên hợp: 01 Bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ lưỡi dao tiêu chuẩn: 01 Bộ, bao gồm: tối thiểu Phẳng, Góc, Tròn/Vuông, Khía.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Một piston thủy lực, ≥ 5 trạm làm việc: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Năng suất cao hơn với khoảng cách hành trình piston có thể điều chỉnh: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống bôi trơn trung tâm: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Lực đột: ≥ 85 tấn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công suất đột: $\geq \varnothing 33 \times 20$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính x Độ dày: $\geq \varnothing 55 \times 12$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hành trình: ≥ 80 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Đường kính x Độ dày tối đa: $\geq 110 \times 4$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số lần hành trình: ≥ 25	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ sâu họng: ≥ 355 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao làm việc: ≥ 1.080 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cắt thanh thép:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tròn/vuông: $\geq 50/50$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cắt góc:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần góc (90°): $\geq 150 \times 150 \times 15$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần góc (45°): $\geq 80 \times 8$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chiều cao làm việc: ≥ 1.200 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cắt kim loại tấm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kim loại tấm: $\geq 380 \times 20$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kim loại tấm: $\geq 480 \times 15$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chiều dài lưỡi cắt: ≥ 482 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Cắt có góc: $\geq 120 \times 15 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chiều cao làm việc: $\geq 940 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Rãnh:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ dày: $\geq 13 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chiều rộng: $\geq 51 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chiều sâu: $\geq 100 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chiều cao làm việc: $\geq 940 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công suất: $\geq 7,5\text{kW}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7	Máy uốn tôn thủy lực			
7.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc tổ chức OECD	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 300 - 400V/60Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy uốn tôn thủy lực: 01 Bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phụ kiện cán hình nón: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống bôi trơn trung tâm: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống làm việc hai tốc độ: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đọc số kỹ thuật số x 3 chiếc tiêu chuẩn: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cuộn cán nguội cảm ứng: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp dụng cụ: 01 Hộp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Máy vát mép cạnh tôn: 01 cái, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	• Đài dao phay 37 độ: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	• Lưỡi dao: 10 lưỡi.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Chiều dài sử dụng: ≥ 4100 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cuộn trung tâm: ≥ 260 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cuộn bên: ≥ 200 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công suất động cơ: $\geq 7,5$ KW	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ làm việc: $\leq 1,5 - \geq 6$ m/phút (tốc độ gấp đôi)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài hữu ích: ≥ 4100 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giá trị uốn trước			
	+ Với tối thiểu đường kính trong = 390 mm : 3 mm (1,5 x Đường kính cuộn trên cùng)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Với tối thiểu đường kính trong = 1.300 mm : 4 mm (5 x Đường kính cuộn trên cùng)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Giá trị uốn			
	+ Với tối thiểu đường kính trong = 390 mm: 4 mm (1,5 x Đường kính cuộn trên cùng)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Với tối thiểu đường kính trong = 1.300 mm: 6 mm (5 x Đường kính cuộn trên cùng)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phù hợp với các tấm nhẹ và trung bình, nhôm hoặc thép không gỉ cho nhiều đường kính khác nhau.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Con lăn kẹp đáy với định vị thủy lực. (Chuyển động lên và xuống)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hai con lăn bên với tác động quỹ đạo kẹp kép	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Con lăn trên được dẫn động bằng động cơ thủy lực kết hợp với hộp số hành tinh (Được trang bị hệ thống bảo vệ quá tải) Con lăn bên và con lăn dưới ở chế độ nhàn rỗi (miễn phí).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chuyển động của các con lăn bên được thực hiện bằng piston.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Màn hình kỹ thuật số (≥ 3 chiếc) được cung cấp để xác định vị trí cài đặt của con lăn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đầu thả thủy lực giúp tháo xi lanh dễ dàng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Mọi hoạt động điều khiển đều được bố trí thuận tiện trên bảng điều khiển di động độc lập.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kết cấu khung thép hàn chắc chắn, giảm ứng suất.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các cuộn dây cứng cảm ứng được rèn bằng thép cacbon có độ bền kéo cao, được xử lý nhiệt và được kiểm soát cấu trúc không phá hủy. Đối với các yêu cầu đặc biệt chúng có thể được cung cấp với bề mặt được đánh bóng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Thiết bị uốn hình nón.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống bôi trơn trung tâm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các bộ phận thủy lực: Động cơ và nhóm bơm, van áp suất, van solenoid, màn hình hiển thị dầu và v.v.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống khẩn cấp: Rào chắn dây an toàn xung quanh máy và nút nhấn khẩn cấp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Máy được trang bị hệ thống làm việc 2 tốc độ được điều khiển từ Bảng điều khiển di động.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy vát mép cạnh tôn			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Độ dày thép: Dày 1,5 mm trở lên.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tạo góc vát: từ $\leq 20^\circ$ đến $\geq 65^\circ$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ rộng vát mép lớn nhất: ≥ 16 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tạo bán kính lớn nhất: ≥ 5 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vật liệu thép: Các loại thép, nhôm, đồng, nhựa,...	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nguồn điện: trong khoảng từ 200 - 240V.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8	Máy uốn thép hình thủy lực			
8.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 300 - 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy uốn thép hình thủy lực: 01 Bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp dụng cụ: 01 hộp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Đường kính trục trên: ≥ 100 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính cuộn: ≥ 315 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công suất động cơ: ≥ 11 kW.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ làm việc: 0 - ≥ 7 m/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước: 1600 x 1350 x 1400 mm (L x W x H)	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mô-đun tiết diện: trong khoảng 45 - 80 cm ³ có các loại tối thiểu sau:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Cỗ Phẳng ở Cạnh kích thước 100 x 25 mm đường kính 1.000 mm, 40 x 80 mm đường kính 350 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cỗ Phần Phẳng Trên Phẳng 180 x 40 mm, đường kính 800 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hình vuông kích thước 65 x 65 mm, đường kính 800 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hình tròn phi 75 mm, đường kính 7.500 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Góc chân ra ngoài kích thước 100 x 12 đường kính 1.000 mm, kích thước 50 x 5 đường kính 500 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Góc chân vào kích thước 90 x 10 đường kính 1.000 mm, kích thước 50 x 5 đường kính 600 mm	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Uốn thép hình chữ T ngoài kích thước 100 x 100 x 11 đường kính 1.000 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Uốn thép hình chữ T trong kích thước 90 x 90 x 10 mm đường kính 1.000 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kênh (Hồ sơ UNP hoặc tương đương) mặt bích ra kích thước 180 x 70 mm, đường kính 800 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kênh (Hồ sơ UNP hoặc tương đương) mặt bích trong kích thước 180 x 70 mm, đường kính 1.000 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ I-BEAM (HỒ SƠ IPE/IPN hoặc tương đương) kích thước 180 x 82 mm, đường kính 1.000 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ HEA PROFILE hoặc tương đương cách dễ dàng kích thước 120 mm, đường kính 1.200 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ HEB PROFILE hoặc tương đương cách dễ dàng kích thước 100. mm, đường kính 2000 mm	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ống khí (thành dày): kích thước 114,3 x 5,6 mm, đường kính 1.200 mm	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Vật liệu cuộn thép hợp kim hoặc tương đương tiêu chuẩn được rèn, tôi	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cuộn cán nguội, tôi luyện bằng cảm ứng	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số ≥ 9 cuộn để tạo thành các hình dạng phổ biến nhất	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bảng điều khiển cảm ứng loại, có màn hình ≥ 7 inch.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Con lăn hiệu chỉnh ngang với chuyển động thủy lực theo ≥ 3 chiều, con lăn để làm thẳng các góc chân ra, chân vào và các góc không đối	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tất cả các trục lăn đều được lắp động cơ với nhóm động cơ độc lập	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bảng điều khiển công thái học.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy hoàn toàn thủy lực:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mỗi cuộn được đặt trên ổ trục.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Vị trí cuộn có thể điều chỉnh độc lập thông qua xi lanh thủy lực.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cuộn bằng thép hợp kim 42CrMo4 hoặc tương đương hoặc tốt hơn, được rèn và làm cứng và làm nguội;.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Trục bằng thép hợp kim đặc biệt.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ thống thủy lực với ống thép không gỉ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bảng điều khiển cảm ứng, với màn hình cảm ứng ≥ 9 inch màu. Hiển thị trực quan tối thiểu vị trí trục, cài đặt trục, thông số máy, trạng thái và cài đặt bôi trơn,	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tốc độ quay trục thay đổi với bơm piston thay đổi.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ 3 con lăn có động cơ với ≥ 3 bộ giảm tốc hành tinh + động cơ thủy lực, hệ thống quay được thiết kế để tự động bù trừ sự khác biệt về tốc độ ngoại vi giữa bán kính bên trong và bên ngoài của biên dạng cán, tự động làm chậm con lăn trung tâm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ phận thủy lực để cung cấp năng lượng cho máy bằng van bảo vệ quá tải.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ điều khiển máy nằm trên bảng điều khiển tiện dụng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Thiết bị an toàn, bao gồm công tắc dừng hoặc dây cắt ngoại vi.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9	Bộ cắt, hàn khí Oxy			
9.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bộ cắt, hàn khí Oxy: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Loại gas acetylene.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Sợi đốt: G3/8" LH.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Sợi, oxygen: G 1/4".	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Khu vực hàn: $\leq 0,5 \text{ mm} - \geq 14 \text{ mm}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải cắt: $\leq 3 \text{ mm} - \geq 100 \text{ mm}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
III	THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ HỖ TRỢ			
1	Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít			
1.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện sử dụng: trong khoảng từ 300 - 400V/50Hz	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít: 01 Hệ thống.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
1.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất mô tơ: $\geq 15\text{kW} - 20\text{Hp}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Áp suất tối đa: $\geq 8,5\text{bar}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lưu lượng khí nén: $\geq 42 \text{ l/s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Làm mát bằng quạt hoặc tốt hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mức độ tiếng ồn trung bình đo được ở khoảng cách 1 m tuân thủ theo ISO 2151:2004 sử dụng ISO 9614/2 (phương pháp cường độ âm thanh); dung sai $\leq 3 \text{ dB(A)}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bình chứa khí $\geq 500\text{L}$:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Áp lực làm việc: $\geq 8,5 \text{ Bar}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Áp lực thiết kế: $\geq 10 \text{ Bar}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dung tích bình chứa: $\geq 500 \text{ Lít}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bao gồm: Van an toàn, Van xả đáy, Đồng hồ chênh áp, giấy phép sử dụng	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bình được chống rỉ sét bên trong và sơn tĩnh điện bên ngoài.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Hồ sơ kiểm định ≥ 3 năm cho thân bình, ≥ 1 năm cho đồng hồ áp suất và van an toàn.	Nhà thầu cam kết đáp ứng	-	Nhà thầu thầu không cam kết theo yêu cầu
	- Xả nước tự động:			
	+ Áp suất sử dụng tối đa: ≥ 20 bar (290 psi).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lưu lượng xả: ≥ 200 L/giờ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kết nối: G ½.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy sấy khí tác nhân lạnh:			
	+ Điểm sương áp suất: ổn định mức thấp đến khoảng $+7^{\circ}\text{C}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lưu lượng khí đầu vào: ≥ 60 l/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Công suất tiêu thụ: ≤ 700 W.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Áp suất làm việc tối đa: ≥ 13 bar.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nguồn điện: trong khoảng từ 200 - 240V/50Hz.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kết nối: G1” hoặc tương đương, môi chất lạnh: R410A hoặc tương đương.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Bộ lọc thô:			
	+ Hàm lượng dầu tối đa: $< 0.08 \text{ mg/m}^3$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng: đáp ứng ISO 8573-2:2018, ISO 12500-1:2007.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lưu lượng: $\geq 75 \text{ l/s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Áp suất làm việc tối đa: $\geq 16 \text{ bar}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kết nối: G1” hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tích hợp đồng hồ chênh áp và xả nước tự động	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ lọc tinh:			
	+ Hàm lượng dầu tối đa: $< 0.008 \text{ mg/m}^3$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng: đáp ứng ISO 8573-2:2018, ISO 12500-1:2007.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lưu lượng: $\geq 75 \text{ l/s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Áp suất làm việc tối đa: $\geq 16 \text{ bar}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Kết nối: G1” hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tích hợp đồng hồ chênh áp và xả nước tự động.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2	Bàn làm việc, thao tác			
2.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bàn làm việc, thao tác: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Khung bàn:			
	+ Khung bàn bằng sắt hộp $\geq 40 \times 40$, sơn tĩnh điện dày $\geq 1,4$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Đế lót chân bàn chống xước.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Kích thước: 1.515 x 700 x 800 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Có tủ đựng dụng cụ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mặt bàn:			
	+ Mặt bàn nguội có thể gắn ê tô kẹp tối thiểu loại 4”, 6”, 8”	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mặt bàn bằng gỗ ghép công nghiệp dày ≥ 38 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phù hợp cho việc thực hành nguội.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ổ cấp nguồn điện 220VAC-50Hz.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ê tô kẹp: ≥ 3 cái			
	+ Kích thước tối thiểu 4”, 6”, 8” dùng để kẹp, giữ vật cố định.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vật liệu: Kim loại cứng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3	Ê tô			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
3.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.2	Cấu hình cung cấp			
	- Ê tô: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Răng cưa được làm từ thép cứng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khóa xuống, để có thể xoay 360 độ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ống thường trực và được gắn một cái đe lớn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Được làm từ thép các bon S37C hoặc tương đương hoặc tốt hơn (60000 PSI bền).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ rộng kẹp $\geq 6"$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ mở tối đa $\geq 6"$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều sâu họng $\geq 3"$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4	Bộ búa			
4.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bộ búa: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Số lượng chi tiết: ≥ 5 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chất liệu khay: Nhựa.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Kích thước khay: $\geq 391 \times 180$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5	Bộ đĩa			
5.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bộ đĩa: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Tổng số chi tiết: ≥ 5 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khay bao gồm: ≥ 5 (tối thiểu dẹt, tròn, nửa tròn, tam giác, vuông).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6	Cửa sắt cầm tay			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
6.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.2	Cấu hình cung cấp			
	- Cưa sắt cầm tay: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Khung thép mạ chắc chắn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phù hợp với lưỡi 10” và 12”.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tay cầm thoải mái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài lưỡi 10”/254 mm hoặc 12”/305 mm hoặc dài hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ sâu hõng 2-3/4”/70 mm	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài: 70 mm (2-3/4”).	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước lưỡi dao: 254/300 mm (10”/12”).	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
7	Bàn cắt tay (kéo nhông)			
7.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.2	Cấu hình cung cấp			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Bàn cắt tay (kéo nhôm): 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phạm vi cắt: $\geq 300 \text{ mm}^2$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8	Kèm cộng lực			
8.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.2	Cấu hình cung cấp			
	- Kèm cộng lực: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.3	Tính năng kỹ thuật			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Chiều dài: 355 mm (14”).	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tải trọng cắt tối đa (kg): ≥ 54 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9	Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết			
9.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết: 01 Bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Bộ mũi taro: tối thiểu M3, M4, M5, M6, M8, M10, M12, M14, M16, M18, M20.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Tay quay taro trong: tối thiểu No.1; No.3.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tay quay taro ngoài: tối thiểu 20 x 5; 30 x 11; 20 x 7; 38 x 14; 25 x 9; 45 x 18.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
10	Máy mài 2 đá			
10.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy mài 2 đá: 01 bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất máy: $\geq 550W$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Kích thước bánh tối đa: 205 mm x 19 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính lỗ: 15,88 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ không tải: ≥ 2.850 vòng/phút (50Hz).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11	Máy cắt góc đa năng			
11.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy cắt góc đa năng: 01 bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Lưỡi cưa x 01 cái, thước tam giác x 01 cái, túi chứa bụi x 01 cái, ống thu bụi x 01 cái, núm điều chỉnh x 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất: $\geq 1.800\text{W}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khả năng cắt tối đa: $90^\circ: \geq 107 \times 363 \text{ mm}$; $45^\circ: \geq 107 \times 255 \text{ mm}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính lưỡi: 305 mm.	Đáp ứng yêu cầu	Sai số kích thước cho phép $\pm 10\%$	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ không tải: ≥ 3.200 vòng/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dây dẫn điện: $\geq 2,5 \text{ m}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12	Máy mài đĩa cầm tay			
12.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy mài đĩa cầm tay: 01 bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ 02 Pin.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ 01 Adapter.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ 01 Hộp đựng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Động cơ không chổi than.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính đĩa mài/cắt: ≥ 100 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ không tải: ≥ 8.500 vòng/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Công tắc trượt.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chức năng chống khởi động lại.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13	Máy khoan cầm tay			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
13.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy khoan cầm tay: 01 bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ ≥ 02 Pin.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Khả năng khoan sắt thép: ≥ 13 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khả năng khoan gỗ: ≥ 32 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khả năng khoan bê tông: ≥ 26 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mũi khoan: SDS – Plus hoặc tương đương.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Lực đập: $\geq 2,5J$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ đập: 0 - ≥ 5000 L/P.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ không tải: 0 - ≥ 1.200 vòng/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ ồn động cơ: ≤ 94 dB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ rung khoan búa: $\leq 14,5$ m/giây ² : Đục ≤ 14 m/giây ²	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoan ≤ 3 m/giây ² .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phụ kiện: ≥ 2 pin khoảng 18V/ $\geq 4.0Ah$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14	Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết			
14.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
14.2	Cấu hình cung cấp			
	- Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết: 01 bộ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Số lượng chi tiết: ≥ 211 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số khay: ≥ 7 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chất liệu: Thép hoặc tương đương, sơn tĩnh điện	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bánh xe: 4.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số lượng chi tiết: ≥ 211 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15	Xe đẩy			
15.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15.2	Cấu hình cung cấp			
	- Xe đẩy: 01 Cái.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Gồm có ≥ 3 ngăn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bánh xe: ≥ 4 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16	Cổng trực đẩy tay			
16.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16.2	Cấu hình cung cấp			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Công trực đẩy tay: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Chiều cao nâng: ≤ 2400 mm - ≥ 3600 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài thanh Bean: ≥ 2000 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài thanh ngang: ≥ 1500 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính bánh xe: ≥ 124 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày bánh xe: ≥ 45 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
17	Xe nâng lắc tay ≥ 1500 kg			
17.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
17.2	Cấu hình cung cấp			
	- Xe nâng lắc tay ≥ 1500 kg: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
17.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Tải trọng nâng tối đa ≥ 2500 kg.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao thấp nhất của càng nâng ≤ 85 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao tối đa của càng nâng ≥ 200 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài càng ≥ 1150 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
18	Xe nâng lắc tay ≥ 5000 kg			
18.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
18.2	Cấu hình cung cấp			
	- Xe nâng lắc tay ≥ 5000 kg: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
18.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Tải trọng nâng: ≥ 5000 kg.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao nâng thấp nhất: ≤ 85 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao nâng cao nhất: ≥ 195 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài càng nâng: ≥ 1220 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều rộng càng nâng: ≥ 685 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
19	Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn			
19.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc tổ chức OECD	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
19.2	Cấu hình cung cấp			
	- Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
19.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Tải trọng nâng: ≥ 4000 kg.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao nâng tối đa: ≥ 1930 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều rộng giữa 2 trụ: ≥ 2855 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao tổng: ≥ 3750 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều rộng tổng: ≥ 3440 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đóng mở khóa bằng cơ khí.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
20	Cầu móc			
20.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
20.2	Cấu hình cung cấp			
	- Cầu móc: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
20.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất: ≥ 2 tấn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng nâng: $\leq 25 - \geq 2000$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài: ≥ 1.640 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều rộng: ≥ 1.040 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao: ≥ 1.486 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
21	Máy ren răng ống			
21.1	Yêu cầu chung			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
21.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy ren răng ống: 01 Bộ, kèm theo phụ kiện tiêu chuẩn:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đầu ren tự động AT tối thiểu từ 1/2 ~ 2"	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Lưỡi dao ren BSPT Eco tối thiểu từ 1/2 ~ 3/4" Eco tối thiểu từ 1 ~ 2"	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dầu cắt ren $\geq 4L$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
21.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất cắt:			
	+ Ống nước, ống gas $PT \leq 1/4 \sim \geq 2"$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bulông $W \leq 3/8 \sim \geq 2" \cdot M \leq 10 \sim \geq 36 \text{ mm}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Ống cáp $C \leq 19 \sim \geq 51 \text{ mm} \cdot \text{PF} \leq 1/2 \sim \geq 2''$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ xoay: $\geq 38 \text{ min}^{-1}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mô tơ: trong khoảng từ 200 - 240V/ $\geq 750\text{W}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
22	Ê tô kẹp ống			
22.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
22.2	Cấu hình cung cấp			
	- Ê tô kẹp ống: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
22.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Kích thước: 4''	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
23	Dao cắt ống			
23.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
23.2	Cấu hình cung cấp			
	- Dao cắt ống: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
23.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Quy cách: khoảng từ 25 - 75 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thân dao được đúc bằng gang dẻo, chịu va đập	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lưỡi dao được làm từ chất liệu thép hợp kim hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
24	Tủ sắt			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
24.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
24.2	Cấu hình cung cấp			
	- Tủ sắt: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
24.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Tủ cao ≥ 1800 mm, rộng ≥ 1180 mm, sâu ≥ 450 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chất liệu: Thép dày từ 0,5 - $\geq 0,7$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
25	Ống hơi cuộn			
25.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
25.2	Cấu hình cung cấp			
	- Ống hơi cuộn: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
25.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Đường kính trong: 8 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đường kính ngoài: 12 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều dài: ≥ 15 m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
26	Súng hơi			
26.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
26.2	Cấu hình cung cấp			
	- Súng hơi: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
26.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Áp suất làm việc tối đa: ≥ 1.0 Mpa (≥ 10.2 kgf/cm)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lỗ phun đầu phun ngắn: 3 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lỗ phun đầu phun dài: 4 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
27	Máy mài khuôn			
27.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
27.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy mài khuôn: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
27.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Công suất $\geq 750W$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ không tải $\leq 1.800 - \geq 7.000$ vòng/phút	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dây dẫn điện $\geq 2,5$ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
IV	Dụng cụ đo			
1	Panme đo ngoài điện tử (Dải đo: 0 - ≥ 25 m)			
1.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Panme đo ngoài điện tử: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: 0 - ≥ 25 m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,001$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 1$ μ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2	Panme đo ngoài điện tử (Dải đo: 25 - ≥ 50 mm)			
2.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
2.2	Cấu hình cung cấp			
	- Panme đo ngoài điện tử: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: $\leq 25 - \geq 50$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,001$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 1$ μ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3	Panme đo trong cơ (Dải đo: $\leq 5 - \geq 30$ mm)			
3.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.2	Cấu hình cung cấp			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Panme đo trong cơ: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: $\leq 5 - \geq 30$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,01$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 5$ μ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4	Panme đo trong cơ (Dải đo: $\leq 25 - \geq 50$ mm)			
4.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.2	Cấu hình cung cấp			
	- Panme đo trong cơ: 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
4.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dài đo: $\leq 25 - \geq 50$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,01$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 6$ μ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5	Thước cặp điện tử			
5.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thước cặp điện tử: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.3	Tính năng kỹ thuật			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Dải đo: 0 - ≥ 200 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,01$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 0,02$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6	Thước cặp đo cơ (Dải đo: 0 - ≥ 200 mm)			
6.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thước cặp đo cơ: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: 0 - ≥ 200 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ phân giải: $\leq 0,02$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 0,03$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7	Thước cặp đo cơ (Dải đo: 0 - ≥ 600 mm)			
7.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thước cặp đo cơ: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: $\leq 0 - \geq 600$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,02$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ chính xác: $\pm \leq 0,05$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8	Thước cặp đo cơ (Dải đo: 0 - ≥ 1000 mm)			
8.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thước cặp đo cơ: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: $\leq 0 - \geq 1000$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,02$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 0.07$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
9	Thước đo cao điện tử			
9.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thước đo cao điện tử: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: 0 - ≥ 600 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,01$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 0,05$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10	Đồng hồ so (Dải đo: 0 - ≥ 10 mm)			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
10.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10.2	Cấu hình cung cấp			
	- Đồng hồ so: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: 0 - ≤ 10 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,01$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 13$ μ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11	Đồng hồ so (Dải đo: 0 - ≥ 1 mm)			
11.1	Yêu cầu chung			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11.2	Cấu hình cung cấp			
	- Đồng hồ so: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dải đo: 0 - ≥ 1 mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,001$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 0,005$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12	Đồng hồ so đo lỗ			
12.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12.2	Cấu hình cung cấp			
	- Đồng hồ so đo lỗ: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phạm vi đo: $\leq 50 - \geq 150$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,001$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 2$ μ m	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13	Giá đỡ đồng hồ so (tự tính)			
13.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13.2	Cấu hình cung cấp			
	- Giá đỡ đồng hồ so (tù tính): 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Gá được cho đồng hồ so: tối thiểu $\varnothing 6$ mm, $\varnothing 8$ mm, $\varnothing 9,53$ mm (3/8 in)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lực từ: $\geq 600\text{N}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước chân đế: $\geq 50 \times 58$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14	Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tù tính)			
14.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14.2	Cấu hình cung cấp			
	- Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tử tính): 01 Cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Kích thước mặt đế làm việc: $\geq \varnothing 58$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước cột: $\geq \varnothing 30$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chiều cao đo lường: ≥ 95 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bàn đo: Răng cưa.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điều chỉnh tinh: ≤ 1 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phẳng của bàn: $\leq 1,3$ μ m.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước lỗ gá đồng hồ: tối thiểu 9,53 mm, 8 mm với ống lót.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ vuông góc của lỗ thân bàn: $\leq 0,4/100$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15	Bàn map			
15.1	Yêu cầu chung			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bản map: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Cấp 00	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước bàn (L x W x H): $\geq (600 \times 600 \times 130 \text{ mm})$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phẳng: $\leq 2,5 \text{ }\mu\text{m}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16	Phụ kiện kèm theo TABLE STAND			
16.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Chào rõ xuất xứ theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16.2	Cấu hình cung cấp			
	- Phụ kiện kèm theo TABLE STAND: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Chiều cao H: $\leq 735 - \geq 775$ mm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
B	BỘ PHẬN KIỂM TOÁN – TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG			
1	Thiết bị giám sát chất lượng điện năng			
1.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị giám sát chất lượng điện năng: 01 Bộ, kèm phụ kiện bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Máy tính và máy in: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cảm biến dòng AC: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần mềm quản lý dữ liệu: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Màn hình LCD màu lớn $\geq 7"$ với màn hình cảm ứng giúp thao tác cực kỳ dễ dàng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đạt tiêu chuẩn IEC 61000-4-30 Ed. 3 loại A và EN 50160.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Với $\geq 1.000V$ CAT III và $\geq 600V$ CAT IV cho phép ứng dụng rộng rãi.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải tần số ≤ 15 đến $\geq 20Hz$ và ≤ 45 đến $\geq 65Hz$ để sử dụng linh hoạt.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giao tiếp qua tối thiểu qua Ethernet, Wi-Fi, Bluetooth và USB để truyền dữ liệu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Bốn ngõ vào dòng điện (AC/DC) để kết nối các cảm biến dòng điện AC/DC linh hoạt.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bốn kênh điện áp đối xứng (AC/DC, 50/60Hz).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lấy mẫu tín hiệu với ≥ 512 mẫu mỗi chu kỳ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đồng bộ hóa thời gian tối thiểu qua GPS và NTP.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Sóng hài, sóng hài không đối xứng, tín hiệu chính.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tạo báo cáo tự động.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Báo cáo nhỏ để tạo đơn giản các báo cáo dành riêng cho người dùng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chức năng bảng điều khiển để theo dõi các giá trị thời gian thực	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tích hợp bộ nhớ flash ≥ 4 GB, cổng USB cho phương tiện lưu trữ ngoài.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điều khiển từ xa VNC qua PC, Mac, iOS và Android.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phân tích dữ liệu thuận tiện với phần mềm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bao đựng chắc chắn (IP 50 hoặc cao hơn) có giá đỡ dụng cụ và bộ giữ cáp	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giao diện:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Loại màn hình: Màn hình màu LCD (WVGA hoặc tương đương hoặc tốt hơn) với đèn nền CCFL hoặc tương đương hoặc tốt hơn (huỳnh quang).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\geq 360 \times 240$ pixel.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các giao diện truyền thông sau đây có sẵn trên máy chính: tối thiểu Ethernet (có cáp), không dây (Wi-Fi), Bluetooth, VNC, Modbus Điện áp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải đo: $\leq 60A$, $600A$, $\geq 6000A$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tín hiệu đầu ra (AC) $\geq 25mV/A$, $2,5mV/A$, $\leq 0,25mV/A$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dòng dư/nhiều $\leq 8mV$ eff cho $60A$ và $\leq 2mV$ eff cho $\geq 600A$ và $\geq 6000A$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 1\%$ of rdg. $\pm \leq 0.1A$ cho $\geq 60A$ và $\geq 600A$ $\pm \leq 1\%$ of rdg. $\pm \leq 1A$ cho $\geq 6.000A$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khả năng quá tải không giới hạn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Băng thông $\leq 10Hz$ đến $\geq 20kHz$ (độ suy giảm $\leq -10\%$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lỗi góc pha $< \pm 1^\circ$ ($\leq 45 \dots \geq 65Hz$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dễ dàng sử dụng trong không gian chật hẹp nhờ tiết diện cảm biến nhỏ $\leq 9,9$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xử lý an toàn ngay cả khi đeo găng tay bảo hộ, mở cảm biến và cài đặt phạm vi đo khi thao tác bằng một tay.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tuổi thọ pin cực dài lên tới ≥ 1.000 giờ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn cung cấp bên ngoài cho các phép đo dài hạn thông qua nguồn điện cắm vào tùy chọn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cảm biến dòng với lớp bảo vệ IP65 hoặc cao hơn, bộ khuếch đại đo với hoặc cao hơn IP40.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mức độ an toàn cao cho người sử dụng, loại đo $\geq 1000V$ @CATIII, $\geq 600V$ @CATIV và khả năng chịu quá tải không giới hạn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi ứng dụng rộng, ≥ 3 phạm vi đo (≤ 3 , 30 và ≥ 300 A AC) và băng thông lớn từ $\leq 20\text{Hz}$ đến $\geq 100\text{kHz}$ ($\pm \leq 1\text{dB}/50\text{Hz}$) để phân tích sóng hài.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo chính xác ngay cả với giá trị dòng điện thấp nhờ dải động lớn và độ nhạy cảm biến cao.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ảnh hưởng tối thiểu do vị trí dây dẫn hoặc trường nhiễu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dễ dàng sử dụng trong không gian chật hẹp nhờ tiết diện cảm biến nhỏ chỉ ≤ 6 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xử lý đáng tin cậy ngay cả với gắng tay an toàn – cảm biến có thể được mở và phạm vi đo có thể được chọn bằng thao tác bằng một tay.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cảm biến hiện tại cung cấp mức bảo vệ IP 50 hoặc cao hơn, bộ khuếch đại đo IP 40 hoặc cao hơn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mức độ an toàn cao cho người vận hành, đo loại $\geq 1000V @CAT III, \geq 600V @$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- CAT IV và khả năng quá tải không giới hạn, được thiết kế để hoạt động liên tục.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ nhạy đầu ra $\geq 500mV/A, 50mV/A, \leq 5mV/A$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác ($\leq 45... \geq 65Hz$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	$\pm \leq 1\%$ of rdg. $\pm \leq 0,1A$ cho $\geq 3A$ và $\geq 30A$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	$\pm 1\%$ of rdg. $\pm \leq 0,5A$ cho $\geq 300A$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhiễu $\leq 1,5mV$ eff.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kết nối đầu ra phích cắm Hypertronics 4 chân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy tính để bàn và máy in có cấu hình tối thiểu như sau:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	*Máy tính:			
	+ Chipset: Intel® H670 hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cổng mạng: Wi-Fi® and Bluetooth® ≥ 5.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cổng kết nối: tối thiểu 1 x PCIe 3x1, 1 x PCIe 4x16, 6x USB 2.0, 1 x RJ-45, 1 x HDMI, 1 x VGA.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ VGA: Intel Graphics hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Intel® Core™ i3-12100 (lên đến ≥ 4,3 GHz với chip Intel® công nghệ Turbo Boost , ≥ 12 MB L3 cache, ≥ 4 cores, ≥ 8 threads) hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ nhớ Ram: ≥ 8 GB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ HDD: ≥ 1TB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ổ cứng SSD: ≥ 256Gb.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bàn phím, chuột quang USB.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Màn hình LCD ≥ 19,5 inch:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	• Độ phân giải ≥ 1600 x 900.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	• Độ sáng: $\geq 200 \text{ cd/m}^2$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	• Thời gian đáp ứng $\leq 5 \text{ ms}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	• $\geq 90^\circ$ (Ngang)/ $\geq 50^\circ$ (Dọc), tối thiểu có các cổng kết nối: VGA, HDMI.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hệ điều hành: Windows 11 Home hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	*Máy in laser đen trắng:			
	+ Chức năng: In.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Khổ giấy: tối thiểu A4/A5.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Bộ nhớ: $\geq 256\text{MB}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tốc độ in: Tốc độ in (A4): Lên tới ≥ 28 trang/phút.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ In đảo mặt: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải in: $\geq 600 \times 600 \text{ dpi}$ (hoặc tương đương).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chất lượng in: $\geq 1200 \times 1200 \text{ dpi}$ (hoặc tương đương).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cổng giao tiếp: tối thiểu USB/LAN.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dừng mực: ≥ 4100 trang.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Công nghệ in: Đơn năng hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Thời gian in bản đầu tiên (A4): Xấp xỉ $\leq 5,2$ giây.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Màn hình LCD hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2	Phần mềm NI LabVIEW Professional Development System for Windows			
2.1	Yêu cầu chung			
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.2	Cấu hình cung cấp			
	- Phần mềm NI LabVIEW Professional Development System for Windows: 01 phần mềm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dùng để lập trình các ứng dụng trên phần cứng của hãng National instruments hoặc hàng ngàn sản phẩm của các hãng khác trên thế giới.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Có khả năng tạo ra các file.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chứa nhiều thư viện liên quan đến toán học, xử lý, phân tích tín hiệu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3	Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition			
3.1	Yêu cầu chung			
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.2	Cấu hình cung cấp			
	- Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition: 01 Phần mềm	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Dữ liệu được ghi lại của máy đo chất lượng điện, công suất và năng lượng có thể được hiển thị và đánh giá nhanh chóng và dễ dàng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kiểm toán năng lượng theo DIN EN 16247-1.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ghi nhật ký dòng năng lượng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ghi nhật ký nguồn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Các phép đo tham chiếu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ghi nhật ký tiêu thụ năng lượng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Sản xuất điện thay thế.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xác định phụ tải.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kiểm tra các yếu tố hiệu suất.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chất lượng điện năng cơ bản.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hỗ trợ hơn ≥ 12 ngôn ngữ, tương thích với các sản phẩm của nhà sản xuất khác sử dụng các định dạng dữ liệu tối thiểu như PQDIF, COMTRADE, CSV và TXT.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hỗ trợ phân tích độc đáo, chẳng hạn như công cụ demo hài hòa, riêng biệt	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thang đo sóng hài cho điện áp, dòng điện và công suất cũng như bộ cứu hộ để sửa dấu thời gian, đảo ngược hướng của đầu dò, điều chỉnh loại kết nối không chính xác hoặc thay đổi hệ số tỷ lệ mà không cần thu thập dữ liệu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có tối thiểu 2 định dạng phần mềm là chuyên nghiệp và doanh nghiệp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hỗ trợ trình bày lên tới ≥ 16 bộ dữ liệu đồng thời.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Nén tiếp hiệu quả giảm đến một nửa.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thiết kế báo cáo tùy chỉnh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chọn từ hơn ≥ 20 tùy chọn báo cáo khác nhau và có khả năng sửa đổi sơ đồ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Danh sách dữ liệu và tiêu chuẩn để phù hợp với yêu cầu báo cáo riêng của bạn. Các tùy chọn bao gồm biểu đồ thời gian cố định hoặc do người dùng chọn, biểu đồ ITIC, tóm tắt trường hợp xấu nhất, v.v. thậm chí có thể xác định tiêu chuẩn của riêng mình. Chỉ cần một cú nhấp chuột cũng cho phép bạn đánh dấu bất kỳ báo cáo nào để tham khảo trong tương lai.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4	Ampere kìm			
4.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.2	Cấu hình cung cấp			
	- Ampere kìm: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.3	Tính năng kỹ thuật			
	- DCA: $\leq 40A, 400A, \geq 2000A/1.5\% \text{ rdg} + 5 \text{ digits}$ ($\leq 10\text{Hz} - \geq 100\text{Hz}$)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- ACA: $\leq 40A, 400A, \geq 2000A/3.5\% + 5 \text{ digits}$ ($\leq 100,1\text{Hz} - \geq 1\text{kHz}$)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- DCV: $\leq 4V, 40V, 400V, 600V, \geq 1000V/1\% \text{ rdg} + 5 \text{ digits}$ ($\leq 10\text{Hz} - \geq 100\text{Hz}$)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- ACV: $\leq 4V, 40V, 400V, \geq 600V/3\% \text{ rdg} + 5 \text{ digits}$ ($\leq 100,1\text{Hz} - \geq 1\text{kHz}$)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ohms: $\leq 400\Omega, 4k\Omega, 40k\Omega, \geq 400k\Omega/1.5\% + 5 \text{ digits}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Âm báo liên tục: có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tần số: $\leq 5.0 \text{ Hz}$ đến $\geq 1\text{kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn: $\geq 6 \text{ pin } 1.5V \text{ AA}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Vòng kìm: $\geq 58 \text{ mm}$ (2,28 inch).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
5	Đồng hồ vạn năng			
5.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc Khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.2	Cấu hình cung cấp			
	- Đồng hồ vạn năng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
5.3	Tính năng kỹ thuật			
	Thông số kỹ thuật:			
	- DCV: $\leq 50.000\text{mV}$; 500.00mV ; 5.0000V ; 50.000V ; $500,00\text{V}$; $\geq 1000,0\text{V}/0,025\%$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- ACA: $\leq 50.000\text{mV}$; 500.00mV ; 5.0000V ; 50.000V ; $500,00\text{V}$; $\geq 1000,0\text{V}/0,4\%$ (True RMS).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- DCA: $\leq 500,00\mu\text{A}$, $5000,0\mu\text{A}$, 50.000mA , 400.00mA , 5.0000A , $\geq 10.000\text{A}/0,15\%$ (True RMS)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- ACA (True RMS): $\leq 500.00\mu\text{A}$; $5000.0\mu\text{A}$, 50.000mA ; 400.00mA ; 5.0000A ; $\geq 10.000\text{A}/0,7\%$ (True RMS).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhiệt độ: $\leq -200,0^\circ\text{C}$ đến $\geq 1350,0^\circ\text{C}$ ($-328,0^\circ\text{F}$ đến $2462,0^\circ\text{F}$) (option probe).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điện trở: $\leq 50.00\Omega$; 500Ω ; $5\text{k}\Omega$; $50\text{k}\Omega$; $500\text{k}\Omega$; $50\text{M}\Omega$; $500\text{M}\Omega$; $\geq 5\text{M}\Omega/0,05\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điện dung: $\leq 1.000\text{nF}$, 10.00nF , 100.0nF , $1.000\mu\text{F}$, $10.00\mu\text{F}$, $100.0\mu\text{F}$, $1000\mu\text{F}$, 10.00mF , $\geq 100.00\text{mF}/1,0\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tần số: $\leq 99,999\text{Hz}$, $999,99\text{Hz}$, $9,9999\text{kHz}$, $99,999\text{kHz}$, $\geq 999,99\text{kHz}/0,005\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Băng tần (True-rms) AC: $\geq 100\text{ kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- DBV/dBm: có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dẫn điện: $\geq 50.00\text{ nS}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Báo động liên tục: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đồng hồ thời gian: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Min-Max-Avg: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chu kỳ: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ rộng xung: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Auto/Touch Hold: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Log to PC: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Ghi nhật ký trên bo mạch với trendcapture: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ: lên đến ≥ 15.000	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại			
6.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối EU	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy đo nhiệt độ hồng ngoại: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
6.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Bảng màu: tối thiểu Sắt, Xám, Cầu vồng, Cầu vồng HC, Bắc cực, Dung nham.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đầu thu điểm ảnh: $\leq 17\mu\text{m}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải camera: $\geq 5 \text{ MP}$, tích hợp đèn LED.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Zoom kỹ thuật số: 1 - $\geq 4 \times$ liên tục.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tần số hình ảnh: $\geq 30\text{Hz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải IR: $\geq 464 \times 348$ điểm ảnh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Nhận dạng ống kính: Tự động.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khoảng cách lấy nét tối thiểu: $\leq 0,15$ m.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Truyền video IR không đo bức xạ: tối thiểu H.264 (AVC) qua RTSP (Wifi), MPEG4 qua RTSP (Wi-Fi), MJPEG qua UVC và RTSP (Wi-Fi).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Picture-in-Picture: Có thể thay đổi kích thước và di chuyển.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Quay video bằng tia phóng xạ IR: Ghi hình bằng tia phóng xạ theo thời gian thực (.csq).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Truyền phát video IR: đo bức xạ Có, qua UVC.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải quang phổ: $\leq 7,5$ - ≥ 14 μm .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ nhạy nhiệt/NETD: < 40 mK ở 30°C ($+86^\circ\text{F}$)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- UltraMax: Có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\pm \leq 2^\circ\text{C}$ ($\pm 3.6^\circ\text{F}$) hoặc $\pm \leq 2\%$ giá trị đọc.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cài đặt sẵn đo lường: Không có phép đo, điểm trung tâm, điểm nóng, điểm lạnh, Cài đặt sẵn của người dùng 1, Cài đặt sẵn của người dùng 2.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Phạm vi nhiệt độ: ≤ -20 đến $\geq 120^{\circ}\text{C}$ (-4 đến 248°F); 0 đến $\geq 650^{\circ}\text{C}$ (32 đến 1202°F); ≤ 300 đến $\geq 1500^{\circ}\text{C}$ (572 đến 2732°F).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phương tiện lưu trữ: Thẻ SD có thể tháo rời.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7	Thiết bị phân tích khí - khói thải			
7.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị phân tích khí - khói thải: 01 Bộ, kèm phụ kiện tiêu chuẩn:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đầu dò khí tối thiểu loại E 250 mm/750 mm/1.500 mm: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Nguồn/Pin: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Giấy chứng nhận hiệu chuẩn: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
7.3	Tính năng kỹ thuật			
	- O ₂ – Oxygen 0 – $\geq 20,95\%$ vol.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải $\leq 0,01\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- CO ₂ Carbon dioxide 0 - $\geq 20\%$ vol.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: $\leq 0,01\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- CO Carbon monoxide 0 – $\geq 2.000/\geq 4000$ ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- NO Nitric oxide 0 - ≥ 2.000 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- NO ₂ Nitrogen dioxide 0 – ≥ 200 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- NO _x : 0 – NO _x max, Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- SO ₂ Sulphur dioxide 0 - ≥ 4,000 ppm, Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- HC\CH ₄ Hydrocarbon 0 - 100% LEL.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhiệt độ:			
	+ Gas ≤ -20 đến ≥ 1.200°C.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Không khí ≤ -4 đến ≥ 120°C.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8	Thiết bị đo rò rỉ khí cháy			
8.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị đo rò rỉ khí cháy: 01 Bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Pin: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
8.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Kiểu: Gas-Mate.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện: ≥ 2 pin kiềm kích thước D ($\geq 1.5V$)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ nhạy: ≤ 5 ppm: metan, R290 (propan), R600 (isobutan), hydro ≤ 1 ppm: gasoline.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời lượng pin: ≥ 25 giờ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9	Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh			
9.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chà rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G20	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh: 01 Bộ, kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Pin: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
9.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Loại khí ga phát hiện: tất cả môi chất lạnh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ nhạy: < 0.5 oz/yr.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời gian phản hồi: ngay tức thời.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời gian khởi động: < 20s (25°, 60%RH).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Thời gian hoạt động liên tục: ≥ 9 giờ (thay đổi một chút tùy vào điều kiện hoạt động).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10	Lưu lượng kế siêu âm cầm tay			
10.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10.2	Cấu hình cung cấp			
	- Lưu lượng kế siêu âm cầm tay: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
10.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phạm vi đo cầm tay: $\leq -32 \dots \geq 32$ m/s, $\leq -105 \dots \geq 105$ ft/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Độ phân giải: $\leq 0,0001$ m/s, 0,00033 ft/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác cho $DN \geq 50\text{mm}$: $\pm 1,5\%$ giá trị đo được	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đối với $DN < 50$ mm: $\pm 3,5\%$ giá trị đo được.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khả năng tái lập: $\pm \leq 1,0\%$ giá trị đo được.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tất cả các chất lỏng có tạp chất $< 5\%$ và lưu lượng $> 0,03$ m ³ /h.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đơn vị lưu lượng: Mét khối [m ³].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lít [l].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Gallon (Mỹ) [gal].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Imperial gallon (Anh) [igl].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Million USA gallon [mgl].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Foot khối [cf].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thùng (Mỹ) [bal].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thùng Imperial (Anh) [ib].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thùng dầu [ob].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Cài đặt thời gian: Mỗi ngày [/d].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mỗi giờ [/h].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Mỗi phút [/m].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Và mỗi giây [/s].	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ ghi dữ liệu: ≥ 60.000 phép đo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giao diện: USB (để đo trực tuyến và đọc bộ nhớ trong).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bảo vệ: IP52 hoặc tương đương hoặc tốt hơn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11	Thiết bị đo chân không cầm tay			
11.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị đo chân không cầm tay: 01 Bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Pin: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
11.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Thời lượng pin: ≥ 45 giờ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn điện: Pin kiềm $\geq 9V$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điều khiển: tối thiểu Bật/Tắt, lựa chọn đơn vị, hiệu chuẩn nhanh chóng	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đơn vị hiển thị: tối thiểu microns, Pascal, milibar, Torr	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi hiển thị: atm (≤ 760.000 microns) đến ≥ 1 micromet (0,01 mbar, 0,001 Torr, 1 Pa)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có chức năng tự động tắt	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Áp suất tối đa: ≥ 150 psi (7,76 x 106 microns).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
12	Thiết bị đo khí CO không cầm tay			
12.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị đo khí CO không cầm tay: 01 Bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Pin: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
12.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Loại: Kiểm tra CO.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Điều khiển: Bật/tắt, đọc MAX.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phạm vi: 1 - ≥ 999 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ phân giải: ≤ 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ chính xác: $\leq 3\%$ khi đọc ± 1 ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tuổi thọ pin: hơn ≥ 200 giờ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chỉ báo cảnh báo: Tiếng bíp có thể thay đổi, đèn LED màu tương ứng với mức CO tăng dần, màn hình LCD hiển thị mức CO theo ppm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13	Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng			
13.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
13.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phạm vi đo:			
	+ Độ ẩm tương đối: 0.0..100.0% RH.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nhiệt độ phòng: $\leq -40.0 \dots + \geq 120.0^{\circ} \text{C}$ (theo cảm biến TFS).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nhiệt độ bề mặt: $\leq -80.0 \dots + \geq 250.0^{\circ} \text{C}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ dòng chảy:			
	+ Phụ thuộc cảm biến STS.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0.1\% \text{ RH}$, $0,1^{\circ}\text{C}/0,1^{\circ}\text{F}$, $0,01\text{m/s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ chính xác (thiết bị) (± 1 chữ số) (ở nhiệt độ danh nghĩa = 25°C).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ ẩm tương đối: $\pm \leq 0,1\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Nhiệt độ phòng (Pt1000): $\pm \leq 0,2\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Nhiệt độ bề mặt (loại K): $\pm \leq 0,5\%$ giá trị đọc $\pm \leq 0,5^{\circ}\text{C}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tốc độ dòng: $\pm \leq 0,1\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14	Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục			
14.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14.2	Cấu hình cung cấp			
	- Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục: 01 Hệ thống, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đầu đo cảm biến 3 trục: 02 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp đựng: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Thẻ nhớ 32GB: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dây cáp: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dây đeo: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
14.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Số kênh đầu vào tối đa: ≥ 4 kênh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ biến đổi A/D: ≥ 24 bit.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dải tần khả dụng đến $\geq 20\text{kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tần số lấy mẫu: $\leq 258\text{Hz}$ đến $\geq 50,9\text{Hz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chuyển đổi chế độ đo bằng cách chạm trên màn hình hiển thị.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có 3 chế độ cho người dùng lựa chọn bao gồm:			
	+ Chế độ tự động: Các đại lượng rung được thực hiện liên tục ở các khoảng thời gian ≥ 100 ms trong thời gian đo được quy định.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chế độ trung bình: Đại lượng rung trung bình của các phép đo xác định thời gian được tính toán.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chế độ tự động + trung bình: Cả ≥ 2 phép đo được thực hiện đồng thời.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Chế độ đo độ rung:			
	+ Lấy mẫu: tần số $\geq 50,9$ kHz.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chức năng lưu trữ: Lưu trữ giá trị tức thời, Lưu trữ tự động, Lưu trữ giá trị trung bình.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chức năng theo dõi và kiểm tra âm thanh rung trong quá trình đo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chức năng chụp màn hình của biểu đồ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Chức năng đánh giá ngưỡng: Cho phép thiết lập giá trị ngưỡng cho đại lượng rung, có chỉ báo trên màn hình khi đại lượng rung vượt quá ngưỡng trong quá trình đo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đơn vị hiển thị: Gia tốc: m/s^2 , G, in/s^2 , Vận tốc: mm/s, in/s, Độ dịch chuyển: mm, μm , mil dễ dàng thay đổi giữa các đơn vị và hiển thị được giá trị RMS.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chế độ phân tích FFT:			
	+ Phổ công suất Dạng sóng thời gian của 1 khung hình.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần lên đến ≥ 8 dải.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Số dòng phân tích: tối đa tới ≥ 3.200 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Chức năng cửa sổ thời gian: Hình chữ nhật, Hanning, Mặt phẳng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Các hàm xử lý trung bình: Trung bình tuyến tính, Trung bình hàm mũ, Giữ giá trị tối đa (MAX).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cảm biến đo rung 3 chiều với độ nhạy tối ưu nhất lên đến $\geq 0.12\text{m/s}^2$, độ nhạy biến dạng cơ sở chỉ $\geq 0.1\text{m/s}^2$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ nhạy của đầu đo gia tốc được xác định bằng các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 5347-1 tại tần số 80Hz. Đối với các loại đầu ra điện tích, độ nhạy tăng khoảng $+0.1\%/^{\circ}\text{C}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đầu đo gia tốc đều có đỉnh cộng hưởng sắc nét trong khu vực khoảng ≥ 3 lần so với giới hạn dải tần số trên của nó. Dải tần số tối đa lên tới $\geq 15.000\text{Hz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giá trị thay mặt $< -26\text{dB}$ dành cho đầu đo ồn, đáp ứng tiêu chuẩn CE, UKCA, WEEE ANSI/ASA S1.4-2014/Part 1 class 1. Mất mát truyền qua các mô hình khuếch đại tối đa -0.57dB .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lưu trữ dữ liệu dung lượng đến $\geq 32\text{GB}$	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15	Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động			
15.1	Yêu cầu chung			
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ phần mềm: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
15.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phân tích đồng thời dữ liệu đo của rung và ồn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tất cả chức năng đo rung thiết yếu đều được cung cấp cho phép chẩn đoán thiết bị và quản lý tình trạng máy móc.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm cho phép chẩn đoán chi tiết bao gồm phân tích FFT và phân tích đường bao dùng để xác định các điều kiện bất thường cũng như đánh giá giai đoạn và vị trí lỗi của máy móc như lỗi vòng bi, lỗi lệch trục, lỗi mất cân bằng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có thể tải các tệp dữ liệu của các thiết bị rung và ồn của hãng khác.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hiện thị phổ tần số, phổ công suất, phổ chéo, hàm chuyển.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hiện thị bản đồ phổ công suất, bản đồ Octave, vi phân và tính toán diện tích phổ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hiện thị phân tích FFT.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phân tích dải Octave và 1/3 Octave.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chức năng đánh dấu có ghi chú lên biểu đồ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Chức năng xếp chồng đồ thị tần số giúp cho việc so sánh kết quả các phép đo có cùng điều kiện phân tích.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhiều bộ lọc có sẵn giúp chuyển đổi các đại lượng đo một cách dễ dàng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nghe tiếng ồn rung động ngay cả với tiếng ồn nhỏ với khả năng khuếch đại âm thanh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hiện thị các dữ liệu của rung trên 3 trục X, Y, Z.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Các cài đặt và giá trị được tính toán phù hợp sẽ được tự động cài đặt để tuân theo tiêu chuẩn như DIN 45669, SBR, ISO 804.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kết quả phân tích được tính toán và có thể lưu lại dưới dạng file excel.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Khả năng copy dữ liệu tính toán và đồ thị từ phần mềm giúp cho tạo báo cáo một cách dễ dàng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Khả năng lưu trữ các cài đặt và dữ liệu đo vào một thư mục dưới dạng một dự án giúp lưu trữ và có thể sao chép các cài đặt cho dự án mới.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ phần mềm cho phép cài đặt chế độ tự động 3 tiêu chí đánh giá là “có thể chấp nhận được”, “không đạt yêu cầu”, “không thể chấp nhận được”. Tuân thủ ISO10186-1.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tự động đo và lưu trữ dữ liệu vào thẻ nhớ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số điểm tối đa phân tích là ≥ 8.130 điểm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hỗ trợ tối thiểu ngôn ngữ Anh	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phân tích FFT là dải tần số $x \geq 2,56$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Số đếm trung bình đến vô cực.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm bản quyền vĩnh viễn.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16	Phần mềm thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & Máy tính xách tay			
16.1	Yêu cầu chung			
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Xuất xứ phần mềm: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối G7	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16.2	Cấu hình cung cấp			
	- Phần mềm thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & Máy tính xách tay: 01 Bộ, kèm theo phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Máy tính xách tay: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
16.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phần mềm dễ sử dụng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hiển thị đồng thời nhiều dữ liệu (tối đa ≥ 8 dữ liệu).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cho phép ghép các dữ liệu đo trong trường hợp máy gặp sự cố trong quá trình đo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tạo báo cáo dễ dàng và xuất file báo cáo Excel hoặc báo cáo dạng văn bản.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC 61672-1:2013, JIS C 1509-1:2017, IEC 61260-1:2014, JIS C 1513-1:2020, ISO 7196:1995, JIS C 1510:1995, ISO 1996-2:2007.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Số kênh tối đa ≥ 16 .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Điểm phân tích từ ≤ 35 đến ≥ 6.550 điểm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đồng bộ cùng với bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động và hệ thống đo độ ồn và rung 3 trục.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Máy tính xách tay:			
	+ CPU: Intel® Core™ i5-1235U (lên đến ≥ 4.40 GHz, ≥ 12 MB), hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ RAM: ≥ 8 GB DDR4- ≥ 3200 MHz (2 x ≥ 4 GB)	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Ổ cứng: ≥ 512 GB PCIe® NVMe™ M.2 SSD hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ VGA: Intel® Iris® Xe Graphics hoặc tương đương hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Màn hình: $\geq 15,6$ inch FHD ($\geq 1920 \times 1080$), micro-edge, anti-glare, ≥ 250 nits, $\geq 45\%$ NTSC	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Pin: ≥ 3 -cell, ≥ 41 Wh Li-ion	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ OS: Windows 11 Home 64 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
C	BỘ PHẬN ỨNG DỤNG BỨC XẠ (KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ X-QUANG Y TẾ)			
1	Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, X-Quang tăng sáng, máy CT			
1.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối EU	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.2	Cấu hình cung cấp			
	- Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL, dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, X-Quang tăng sáng, máy CT: 01 Bộ, kèm phụ kiện tiêu chuẩn:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Đầu đo RF: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đầu đo MAM: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm phân tích dữ liệu đo: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Cáp USB: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ điều hợp USB – Bluetooth: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giá đỡ đầu đo thường: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giá đỡ đầu đo cho X-quang răng toàn cảnh: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Vali đựng máy: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Giấy chứng nhận CO: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
1.3	Tính năng kỹ thuật			
	- EMC theo tiêu chuẩn IEC 61326-1.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tiêu chuẩn đo X-ray: IEC 61674.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Màn hình: Màn hình cảm ứng LCD $\geq 4.3''$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Pin có thể sử dụng: ≥ 10 giờ liên tục.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ nhớ: ≥ 10000 lần đo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phần mềm: Xử lý và phân tích dữ liệu, xuất dữ liệu sang Microsoft Excel.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nguồn: Pin Li-ion hoặc tương đương có thể sạc lại.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	1. Đầu đo R/F:			
	- Đo kVp:			
	+ Dải đo: $\leq 40 - \geq 150$ kVp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Liều tối thiểu: $\leq 50 \mu\text{Gy}$ (6 mR).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 10 \mu\text{Gy/s}$ (70 mR/phút).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 2\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo liều:			
	+ Dải đo: $\leq 1 \text{ nGy} - \geq 9999 \text{ Gy}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ ($\leq 0.1 \mu\text{R} - \geq 9999 \text{ R}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 5 \%$ hoặc 5 nGy ($0,5 \mu\text{R}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Đo suất liều:			
	+ Dải đo: $\leq 1 \text{ nGy/s} - \geq 500 \text{ mGy/s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ ($\leq 5 \text{ }\mu\text{R/phút} - \geq 3400 \text{ R/phút}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 1 \text{ nGy/s}$ ($5 \text{ }\mu\text{R/phút}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Mức kích hoạt: $\leq 50 \text{ nGy/s}$ ($340 \text{ }\mu\text{R/phút}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 5 \%$ hoặc $\leq 10 \text{ nGy/s}$ ($70 \text{ }\mu\text{R/phút}$) x chu kỳ làm việc.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo HVL:			
	+ Dải đo: $\leq 1 - \geq 14 \text{ mm Al}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Liều tối thiểu: $\leq 1 \text{ }\mu\text{Gy}$ ($120 \text{ }\mu\text{R}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 0,5 \text{ }\mu\text{Gy/s}$ ($3,5 \text{ mR/phút}$) tại $> 70 \text{ kV}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ $\leq 2,5 \text{ }\mu\text{Gy/s}$ (17 mR/phút) tại 50 kV .	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 10 \%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo thời gian:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dải đo: $\leq 1 \text{ ms} - \geq 999 \text{ s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,1 \text{ ms}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần: $\leq 4\text{Hz} - \geq 4\text{kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 0,5 \%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tự động điều chỉnh tùy thuộc vào mức độ tín hiệu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo tổng lọc	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải đo: $\leq 1,5 - \geq 35 \text{ mm Al}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Liều tối thiểu: $\leq 50 \mu\text{Gy}$ (6 mR).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 10 \mu\text{Gy/s}$ (70 mR/phút).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 10 \%$ hoặc $\leq 0,3 \text{ mm Al}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo xung:			
	+ Dải đo: $\leq 1 - \geq 9999 \text{ xung}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 0,5 \mu\text{Gy/s}$ (3,5 mR/phút).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo tần số xung:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dải đo: $\leq 0.1 - \geq 200$ xung/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 0,5 \mu\text{Gy/s}$ (3,5 mR/phút).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo liều/xung:			
	+ Dải đo: $\leq 1 \text{ nGy/xung} - \geq 999 \text{ Gy/xung}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ ($\leq 0,1 \mu\text{R/xung} - \geq 999 \text{ R/xung}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 0,5 \mu\text{Gy/s}$ (3,5 mR/phút).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dạng sóng:			
	+ Độ phân giải: $\leq 62,5 \mu\text{s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần kV: $\leq 0,1 - \geq 0,4\text{kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần suất liều: $\leq 4\text{Hz} - \geq 4\text{kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tự động giảm khi thời gian phát tia lâu hơn 1,5s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tự động điều chỉnh tùy thuộc vào mức tín hiệu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	2. mAs.			
	- mAs:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dải đo: $\leq 0,001 - \geq 9999$ mAs.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,001$ mAs.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: ≤ 1 %.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- mA:			
	+ Dải đo đỉnh: $\leq 0,1 - \geq 1500$ mA.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,01$ mA.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: ≤ 1 %.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Thời gian:			
	+ Dải đo: ≤ 1 ms – ≥ 999 s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,1$ ms.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần: ≤ 1 kHz.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 0,5$ %.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xung:			
	+ Dải đo: $\leq 1 - \geq 9999$ xung.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Độ phân giải: ≤ 1 xung.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tốc độ xung:			
	+ Dải đo: $\leq 0,1 - \geq 200$ xung/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,1$ xung/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- mAs/Xung:			
	+ Dải đo: $\leq 0,001 - \geq 9999$ mAs.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,001$ mAs.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 1\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dạng sóng:			
	+ Độ phân giải: $\leq 125\ \mu\text{s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Băng thông: $\geq 1\ \text{kHz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	3. Cảm biến MAM:			
	- Đo Liều:			
	+ Dải đo: $\leq 1\ \mu\text{Gy} - \geq 9999\ \text{Gy}$ ($\leq 0.1\ \text{mR} - \geq 9999\ \text{R}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 5\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo Suất liều:			
	+ Dải đo: $\leq 10 \mu\text{Gy/s} - \geq 300 \text{ mGy/s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ ($\leq 70 \text{ mR/min} - \geq 2000 \text{ R/min}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 5\%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo kVp:			
	+ Dải đo: $\leq 18 - \geq 50 \text{ kVp}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Liều tối thiểu: $\leq 50 \mu\text{Gy}$ (6 mR).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Suất liều tối thiểu (Đỉnh): $\leq 10 \mu\text{Gy/s}$ (70 mR/phút).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 2\%$ hoặc 0,5 kV (không bàn đạp chân); $\leq 2\%$ hoặc 0,7 kV (có bàn đạp chân).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo HVL:			
	+ Dải đo: $\leq 0,2 - \geq 3,6 \text{ mm Al}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Liều tối thiểu: $\leq 1 \mu\text{Gy}$ (0,1 mR).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 5\%$ trên 25 kV và $\leq 10\%$ dưới 25 kV.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo thời gian:			
	+ Dải đo: $\leq 1 \text{ ms} - \geq 999\text{s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải: $\leq 0,1 \text{ ms}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần: $\geq 400 \text{ Hz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo: $\leq 0,5 \%$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo xung:			
	+ Dải đo: $\leq 1 - \geq 9999$ xung.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo tần số xung:			
	+ Dải đo: $\leq 0,1 - \geq 200$ xung/s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo liều/xung:			
	+ Dải đo: $\leq 1 \mu\text{Gy/xung} - \geq 999 \text{ Gy/xung}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ ($\leq 0,1 \text{ mR/xung} - \geq 999 \text{ R/xung}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dạng sóng:			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Độ phân giải: $\geq 62,5 \mu\text{s}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải tần suất liều: $\geq 400 \text{ Hz}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tự động giảm khi thời gian phát tia lâu hơn 1,5s.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2	Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy			
2.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối EU	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.2	Cấu hình cung cấp			
	- Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
2.3	Tính năng kỹ thuật			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Sử dụng để kiểm tra chuẩn trực của chùm tia tới bề mặt phim chụp X-quang.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kiểm tra độ tương phản ảnh chụp và độ phân giải không gian trong chụp ảnh X-quang thường quy.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tấm đồng dày ≥ 1 mm đo độ méo hình ảnh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nêm ≥ 7 bước bằng đồng.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Sản phẩm đạt các tiêu chuẩn IEC 61223-3-1; CE, DIN 6868/58 và DIN 6868/13.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Dụng cụ kiểm tra kích thước tiêu điểm của bóng phát tia X có.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Sử dụng để xác định kích thước tiêu điểm phát tia X hiệu dụng trong chụp ảnh X-quang thường quy.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Kích thước dụng cụ: cao $\geq 152,4$ mm x đường kính ≥ 76 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có ≥ 8 mức phân chia kích thước tiêu điểm hội tụ từ $\leq 0,84$ đến $\geq 5,66$ lp/mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đạt các tiêu chuẩn: IEC 61223-3-1.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3	Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền			

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
3.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chào rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối EU	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.2	Cấu hình cung cấp			
	- Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang tăng sáng truyền: 01 Bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Khối Phantom: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Giá đỡ: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hộp đựng: 01 Hộp	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần mềm kết nối truyền dữ liệu: 01 Bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Hướng dẫn sử dụng: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Phantom dùng để kiểm tra chất lượng hình ảnh máy CT, kiểm tra các thông số như:			
	+ Độ nhiễu.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ đồng đều.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ tương phản thấp.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ tương phản cao.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ dày lớp cắt, độ tuyến tính...	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ bao gồm tối thiểu 5 modul để kiểm tra:			
	+ Tương phản thấp (Low contrast modul).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ nhạy sáng (contrast modul).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Hình học (Geometry modul).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phân giải tương phản cao (High contrast module).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Độ đồng nhất (Phantom nước).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	1. Tương phản thấp (Low contrast modul):			
	- Đường kính ≥ 210 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày: ≥ 30 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Vật liệu PMMA hoặc tương đương hoặc tốt hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	2. Độ nhạy sáng (Contrast modul):			
	- Đường kính ≥ 210 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày: ≥ 30 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bao gồm tối thiểu 9 mẫu độ nhạy có hình dạng giống như thanh (đường kính ≥ 25 mm): PTFE, PE-300, POM-C, ABS, PA-6, PET, không khí, nhựa và PMMA.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	3. Khối hình học (Geometry modul):			
	- Đường kính ≥ 210 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày: ≥ 30 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bao gồm 2 cặp vạch dây nhôm có đường kính $\geq 0,5$ mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Tám lỗ trụ chứa không khí.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	4. Phân giải tương phản cao (High contrast module):			
	- Đường kính ≥ 210 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày: ≥ 30 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Gồm ≥ 13 cặp vạch có giá trị từ ≤ 1 đến ≥ 13 Lp/cm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- ≥ 2 mẫu tungsten.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	5. Độ đồng nhất (Phantom nước):			
	- Đường kính ≥ 210 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Độ dày: ≥ 40 mm.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Phantom được làm đầy bằng nước tinh khiết.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4	Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường)			
4.1	Yêu cầu chung			
	- Model hoặc mã hiệu: Chà rõ model hoặc mã hiệu hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Hãng sản xuất: Chào rõ hãng sản xuất theo hàng hóa, thiết bị dự thầu	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ các nước thuộc khối EU	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Hàng hóa, thiết bị phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.2	Cấu hình cung cấp			
	- Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường): 01 Bộ, kèm phụ kiện:	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Adapter nguồn: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Cáp USB kết nối máy tính: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Vali đựng máy: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Phần mềm: 01 bộ	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Giấy chứng nhận CO: 01 cái	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
4.3	Tính năng kỹ thuật			
	- Đo tia alpha, beta, gamma và tia X.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Chống bụi và chống nước IP64 hoặc cao hơn	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lưu trữ số liệu đo và độ nhạy $\leq 1s$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Có thể cấu hình ngưỡng cảnh báo.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Được chế tạo cho các ứng dụng trong nhà và ngoài trời.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo bức xạ ion hóa đương lượng liều môi trường $H^*(10)$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải đo: $0 \mu Sv/h - \geq 1 Sv/h$ ($0 \mu rem/h - \geq 100 rem/h$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải đo suất liều: $0,01 \mu Sv/h$ ($1 \mu rem/h$) hoặc 3 số thập phân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải đo liều: $\leq 0,1 nSv$ ($\leq 0,01 \mu rem$) hoặc 3 số thập phân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải năng lượng: $\leq 16 keV - \geq 7 MeV$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đơn vị: Sv hoặc rem ($1 rem = 1/100 Sv$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo bức xạ ion hóa air kerma, K_{air} :	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải đo: $0 \mu Gy/h - \geq 1 Gy/h$ ($0 \mu R/h - \geq 114 R/h$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải đo suất liều: $\leq 0.01 \mu Gy/h$ ($\geq 1 \mu R/h$) hoặc 3 số thập phân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải đo liều: $\leq 0.1 nGy$ ($0.01 \mu R$) hoặc 3 số thập phân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	+ Dải năng lượng: $\leq 30 \text{ keV} - \geq 7 \text{ MeV}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đơn vị đo: Gy, rad ($1 \text{ rad} = 1/100 \text{ Gy}$) hoặc R ($1\text{R} = 1/114,1 \text{ Gy}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Đo năng lượng photon trung bình $\bar{E}$:			
	+ Dải đo: $\leq 20 \text{ keV} - \geq 600 \text{ keV}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ không đảm bảo đo: $\leq 10\%$ tại $< 100 \text{ keV}$, 20% ở dải còn lại.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Tiêu chuẩn xác định: $\leq 20 \mu\text{Sv/h}$ (2 mrem/h) và $\leq 20 \mu\text{Gy/h}$ (2.3 mR/h), ở $T < 30^\circ\text{C}$.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Bộ đếm cường độ bức xạ (α, β, γ):			
	+ Loại Đầu đo: Geiger-Müller hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Dải đo: $0 \text{ cps} - \geq 20 \text{ kcps}$ ($0 \text{ cpm} - \geq 1,2 \text{ Mcpm}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải suất liều: $\leq 0,1 \text{ cps}$ (1 cps) hoặc 3 số thập phân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ phân giải đếm: 1 lần đếm hoặc 3 số thập phân.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Độ nhạy đo gamma, ^{137}Cs : $\leq 6 \text{ cps}/\mu\text{Gy/h}$ (3000 cpm/mR/h).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	+ Đơn vị đo: cps, cpm ($1 \text{ cpm} = 1/60 \text{ cps}$).	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
	- Màn hình hiển thị: LCD màu, $\geq 240 \times 400$ điểm ảnh, xem được dưới dạng ánh sáng mặt trời, có đèn nền.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Tuổi thọ pin đến ≥ 100 giờ.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Pin: Pin sạc Lithium-ion tích hợp hoặc tương đương, ≥ 2550 mAh.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu
	- Lưu số liệu: Lưu được ≥ 4000 kết quả đo và ghi được suất liều trong ≥ 10 ngày với độ phân giải ≤ 1 giây.	Đáp ứng yêu cầu	-	Không đáp ứng yêu cầu

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn nguyên, vật liệu có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc ưu việt hơn các tiêu chí yêu cầu của E-HSMT.

Nhà thầu phải cung cấp catalog, tài liệu kỹ thuật (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch.

1.3. Các yêu cầu khác:

1.3.1. Yêu cầu về dịch vụ liên quan:

- Dịch vụ liên quan là dịch vụ trọn gói đã bao gồm tất cả các chi phí đảm bảo hàng hóa thiết bị được cung cấp, lắp đặt, chạy thử, vận hành, hướng dẫn sử dụng, đào tạo chuyển giao công nghệ, kiểm định đạt yêu cầu nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Dịch vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng trong thời gian bảo hành các thiết bị của gói thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm do Chủ đầu tư chỉ định. Mọi chi phí kiểm tra, thử nghiệm do Bên chào thầu (nhà thầu) chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Bên chào thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên chào thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên chào thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác của Bên chào thầu.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.; 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.
-----------------------------	---

	1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.
6. Ký hợp đồng	6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ

thầu phụ	trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.
7. Giải quyết tranh chấp	7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.
8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT .
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch

	vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT. 11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
13. Tạm ứng	13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
14. Thanh toán	14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. 14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.

	14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
15. Quyền tác giả	15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó. 15.2. Quyền khác theo quy định tại E-ĐKCT.
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp

	hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
18. Đóng gói hàng hóa	18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án. 18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.
19. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.
20. Vận chuyển	20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác

và các dịch vụ phát sinh	quy định tại E-ĐKCT. 20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT: a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. 20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.
21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra. 21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại E-ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 E-ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này. 21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 E-ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả

	chi phí đi lại, lưu trú. 21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này. 21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng. 21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra. 21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 E-ĐKC. 21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 E-ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.
22. Phạt và bồi	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định

thường thiệt hại	tại E-ĐKCT .
23. Bảo hành	23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. 23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT. 23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó. 23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. 23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.
24. Bồi thường vi phạm sáng chế	24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới: a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc

	sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa. Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng. 24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan. 24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết. 24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh. 24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.
25. Thay đổi liên	Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28

quan đến pháp lý	ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 E-ĐKC.
26. Bất khả kháng	26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

	Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
27. Sửa đổi hợp đồng	27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng: a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan. đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC. 27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng. 27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

	27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường. 27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết; b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu; c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa: a) Rút ngắn thời gian giao hàng; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện	28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch

hợp đồng	vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC.
29. Chấm dứt hợp đồng	29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng; b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt. 29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi

	kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
30. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa; Địa chỉ: 135 Thống Nhất, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Số tài khoản: Mã số thuế: 0305289315 Điện thoại / Fax: 0258 3563531 / 0258 3824676 Email: skhcn@khanhhoa.gov.vn.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: _____ <i>[liệt kê tài liệu]</i> .
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; - Biên bản hoàn thiện hợp đồng; - Thư chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-ĐKCT; - E-ĐKC; - E-HSMT và các văn bản làm rõ E-HSMT của Nhà thầu; - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có); - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu không chậm hơn 14 ngày kể từ khi hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ:
E-ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Giải quyết tranh chấp: 1. Khi giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên phải tuân thủ nguyên tắc và trình tự giải quyết tranh chấp hợp đồng. 2. Trường hợp các bên tham gia hợp đồng có thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng thông qua hòa giải được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức hoặc một, một số cá nhân chuyên gia (gọi chung là ban xử lý tranh chấp), khi đó việc xử lý tranh chấp hợp đồng thông qua ban xử lý tranh chấp được quy định như sau: a) Ban xử lý tranh chấp có thể được nêu trong hợp đồng tại thời điểm ký kết hoặc thiết lập sau khi có tranh chấp xảy ra. Số lượng thành viên ban xử lý tranh chấp do các bên tự thỏa thuận. Thành viên ban xử lý tranh chấp phải là người có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung tranh chấp, kinh nghiệm trong vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng và hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng. b) Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.
E-ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: - Thông báo giao hàng. - Chứng từ hàng hóa, thiết bị: + Nếu là hàng hóa nhập khẩu: Chứng nhận xuất xứ (CO),

	Chứng nhận chất lượng (CQ), Tờ khai hải quan (có đầy đủ số định danh), Invoice, Tài liệu đóng gói (Packing list), Vận đơn, ... + Nếu là hàng hóa sản xuất trong nước: Chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng, Hóa đơn mua hàng hoặc chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất,... - Chứng thư kiểm định, hiệu chuẩn (nếu có). Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trộn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: “Được phép” Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Tối đa 30% giá trị hợp đồng. - Các chứng từ đề tạm ứng, gồm: i) Văn bản đề nghị của nhà thầu; ii) Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. - Phương thức tạm ứng: Chuyển khoản
E-ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND). - Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết. Khi thanh toán theo các thỏa thuận trong hợp đồng các bên không phải ký phụ lục hợp đồng, trừ trường hợp bổ sung công việc chưa có trong hợp đồng. - Thanh toán làm nhiều lần theo từng giai đoạn nghiệm thu hoàn thành. Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng.

	- Bên giao thầu phải thanh toán đầy đủ (100%) giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành thiết bị theo thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. - Thời hạn thanh toán: trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của bên nhận thầu. - Hồ sơ thanh toán: + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành hạng mục gói thầu, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết; + Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; + Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu. + Ngoài ra, tùy theo tính chất của hàng hóa nhà thầu còn phải gửi các hồ sơ như: Hóa đơn của nhà thầu, giấy chứng nhận chất lượng, biên bản nghiệm thu hàng hóa và các tài liệu chứng từ khác liên quan. - Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không quy định.
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: - Cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói: Theo tiêu chuẩn đóng gói hàng hóa của hãng sản xuất, đảm bảo hàng hóa không bị hư

	hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ, vận chuyển và các tác động khác của môi trường. - Thông tin về hàng hoá ghi trên bao kiện đóng gói: Ghi đầy đủ các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu phải thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm thiết bị, bảo hiểm vận chuyển, bảo hiểm đối với bên thứ ba, ...) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật.
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: Các dịch vụ liên quan cho gói thầu theo quy định Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Nhà thầu phải cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu được miêu tả tại E-HSMT.
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Việc kiểm tra, thử nghiệm theo quy định tại mục 3. Chương V. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm nhà thầu phải có trách nhiệm chi trả cho các đơn vị tổ chức thực hiện việc kiểm tra thử nghiệm theo quy định.
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa.
E-ĐKC 22	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,03%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8 %. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng, - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

E-ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: 365 ngày. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa hoặc tại trung tâm hoặc cơ sở bảo hành của nhà sản xuất. Giá trị và hình thức bảo lãnh tiền bảo hành: Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng để đảm bảo trách nhiệm và nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 03 ngày.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 16 (Webform trên Hệ thống)**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__ tháng__ năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: ____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: ____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: ____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: ____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: ____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: ____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: ____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: ____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: ____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: ____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: ____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: ____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: ____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: ____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: ____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: ____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.*

2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

*(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là
mua sắm tập trung theo thỏa thuận khung)*

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*]; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ giữa đơn vị mua sắm tập trung: ____ [*ghi tên đơn vị mua sắm tập trung*] và nhà thầu cung cấp hàng hóa: ____ [*ghi tên nhà thầu cung cấp hàng hóa*]; [*Hệ thống trích xuất thông tin sau khi đơn vị có nhu cầu mua sắm nhập đúng thông tin về số, ngày tháng của thỏa thuận khung*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin nếu có*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Đơn vị có nhu cầu mua sắm (sau đây gọi là Bên A)Tên đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư/ Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Đơn vị có nhu cầu mua sắm ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Đơn vị có nhu cầu mua sắmTên Đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin*]Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Đơn vị có nhu cầu mua sắm/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thỏa thuận khung;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.*

2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT của thỏa thuận khung].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT của thỏa thuận khung].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai*

thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**
[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA
SẮM/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]**Ghi chú:**

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.](⁽²⁾).

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dùng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.